

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MÀM NON

Trần Hồng Ngọc

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**TÍNH TỪ TRONG CÁC VĂN BẢN THƠ CỦA SÁCH TIẾNG
VIỆT LỚP 5 – BỘ SÁCH “KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC
SỐNG”**

Mã sinh viên: 2552020492

Ngành: Giáo dục Tiểu học

Người hướng dẫn: ThS. Lê Thị Thu Hoài

NINH BÌNH, (2025)

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, em xin chân thành cảm ơn các thầy cô, đặc biệt các thầy cô trong Khoa Sư phạm Tiểu học- Mầm non và các cán bộ của trường Đại học Hoa Lư đã tạo điều kiện thuận lợi cho em trong suốt quá trình học.

Em cũng hết lòng biết ơn sự quan tâm và ủng hộ của gia đình, bạn bè. Đó chính là nguồn động viên tinh thần rất lớn để em hoàn thành Khoá luận tốt nghiệp này.

Với lòng biết ơn sâu sắc nhất, em xin gửi đến cô Lê Thị Thu Hoài- Giảng viên Khoa Sư phạm Trung học đã truyền đạt vốn kiến thức quý báu cho em trong suốt thời gian thực hiện Khoá luận tốt nghiệp. Nhờ có những lời hướng dẫn, dạy bảo của cô nên đề tài nghiên cứu của em mới có thể hoàn thành.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng, khóa luận tốt nghiệp *“Tính từ trong các văn bản thơ của sách Tiếng Việt lớp 5- Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”* là kết quả của quá trình nghiên cứu độc lập của tôi, được thực hiện dưới sự hướng dẫn của cô Lê Thị Thu Hoài. Tất cả nội dung, số liệu, và ý kiến trong khoá luận đều phản ánh trung thực những gì tôi đã tìm hiểu và phân tích.

Tôi cũng xin cam đoan rằng, tất cả các tài liệu, số liệu và ý kiến của các tác giả khác đã được trích dẫn đầy đủ và rõ ràng trong khoá luận. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính xác thực và tính chính xác của các thông tin có trong khoá luận này.

Ngoài ra, tôi cũng cam kết rằng khóa luận này chưa từng được công bố hoặc nộp ở bất kỳ nơi nào khác và hoàn toàn không vi phạm bản quyền của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào. Tôi sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn trước Hội đồng xét duyệt và các cơ quan có thẩm quyền nếu có bất kỳ vấn đề gì phát sinh liên quan đến nội dung của khóa luận này.

Cảm ơn sự hỗ trợ của các thầy cô, bạn bè và gia đình đã giúp đỡ tôi trong quá trình thực hiện khóa luận này.

Ninh Bình, ngày ... tháng 5 năm 2025

Người cam đoan

Trần Hồng Ngọc

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOÁ LUẬN

Tôi xin xác nhận đây là đề tài khóa luận được thực hiện bởi sinh viên Trần Hồng Ngọc -Lớp D14TH5-Trường Đại học Hoa Lư. Những trích dẫn trong khóa luận là chính xác, rõ ràng. Nội dung của khóa luận chưa được công bố trong các công trình khoa học hay các bài báo, tạp chí chuyên ngành.

Ninh Bình, ngày ... tháng 5 năm 2025

Người hướng dẫn

ThS. Lê Thị Thu Hoài

BẢNG KÍ HIỆU CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Từ ngữ được viết tắt
1	BN	Bổ ngữ
2	CN	Chủ ngữ
3	DT	Danh từ
4	ĐT	Động từ
5	ĐN	Định ngữ
6	GV	Giáo viên
7	HS	Học sinh
8	KNTTVCS	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	PT	Phụ từ
10	SGK	Sách giáo khoa
11	TTP	Thành tố phụ
12	TT	Tính từ
13	TN	Trạng ngữ
14	VN	Vị ngữ
15	VD	Ví dụ

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Bảng thống kê số lượng tính từ được sử dụng trong các văn bản thơ của sách Tiếng Việt lớp 5- Bộ sách “ Kết nối tri thức với cuộc sống”

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	2
MỞ ĐẦU	1
1.Lí do chọn đề tài.....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	5
3.1. Mục đích.....	5
3.2. Nhiệm vụ.....	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	6
4.1. Đối tượng	6
4.2. Phạm vi.....	6
5. Phương pháp nghiên cứu.....	6
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn.....	6
6.1. Ý nghĩa khoa học	6
6.2. Ý nghĩa thực tiễn.....	6
NỘI DUNG.....	7
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN.....	7
1.1. Một số quan niệm về tính từ	7
1.2. Đặc điểm cơ bản của tính từ	9
1.2.1. Ý nghĩa khái quát	9
1.2.2. Khả năng kết hợp	10
1.2.3. Chức năng ngữ pháp	11
1.3. Phân loại tính từ	12
1.3.1. Căn cứ vào ý nghĩa khái quát.....	12
1.3.2. Căn cứ vào nét nghĩa mức độ và khả năng thể hiện ý nghĩa mức độ nhờ các thành tố phụ	13
1.4. Kết luận chương 1	18
Chương 2: TÍNH TỪ TRONG CÁC VĂN BẢN THƠ CỦA SÁCH TIẾNG VIỆT LỚP 5- BỘ SÁCH “ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG”	19
2.1. Giới thiệu về sách Tiếng Việt lớp 5- Bộ sách “ Kết nối tri thức với cuộc sống”	19

2.2. Kết quả khảo sát thống kê tính từ trong các văn bản thơ của sách Tiếng Việt lớp 5 – Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”.	22
2.2.1. Số lượng tính từ trong các văn bản thơ.....	22
2.2.2. Phân loại.....	23
2.2.3. Chức năng	24
2.3. Vai trò của tính từ trong các văn bản thơ của sách Tiếng Việt lớp 5- Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”	25
2.3.1. Tính từ miêu tả đặc điểm, tính cách, hoạt động, trạng thái của người.....	25
2.3.2. Tính từ miêu tả đặc điểm, tính chất hoạt động, trạng thái của cây cối, đồ vật, con vật, cảnh vật, hiện tượng tự nhiên... ..	33
2.4. Kết luận chương 2	48
KẾT LUẬN	49
TÀI LIỆU THAM KHẢO	51
1/ Tiếng Việt.....	51
2/Website.....	52
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Tiếng Việt là một môn học nền tảng quan trọng trong chương trình giáo dục Tiểu học. Nó không chỉ là môn học chính mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển vốn ngôn ngữ chuẩn cho học sinh, làm cơ sở cho việc học tập các môn học khác và các bậc học tiếp theo. Ở Tiểu học, học sinh được trang bị kiến thức cơ bản, sơ giản về ngữ âm, từ loại, cú pháp tiếng Việt từ đó hình thành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Trong đó việc hiểu và sử dụng đúng các từ loại là rất cần thiết, bởi nó ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng diễn đạt, tư duy và giao tiếp của học sinh. Tính từ là từ loại cơ bản quan trọng của hệ thống ngữ pháp tiếng Việt, góp phần vào việc miêu tả, biểu đạt cảm xúc và sắc thái của sự vật, hiện tượng nhất là trong các văn bản thơ. Nhờ tính từ, người đọc có thể hình dung thế giới xung quanh một cách rõ nét và sinh động. Khi biết cách sử dụng tính từ một cách hiệu quả, chính xác, phong phú học sinh không chỉ nâng cao khả năng diễn đạt suy nghĩ và cảm xúc, phát huy trí tưởng tượng mà còn có thể trình bày ý kiến, lập luận của mình một cách rõ ràng và thuyết phục.

Lớp 5 là năm học cuối cùng của bậc Tiểu học, là giai đoạn quan trọng trong việc hoàn thiện kỹ năng ngôn ngữ trước khi học sinh chuyển sang bậc học cao hơn. Ở giai đoạn này, học sinh đã có vốn kiến thức cơ bản về ngữ pháp và bắt đầu phát triển khả năng tư duy trừu tượng. Việc sử dụng tính từ một cách sinh động và chính xác sẽ giúp các em phát triển tư duy và khả năng diễn đạt một cách toàn diện. Tính từ không chỉ giúp các em diễn đạt tốt hơn trong văn viết, văn nói mà còn giúp các em có quá trình học tập các môn học khác như Khoa học, Địa lý và Lịch sử, Toán... một cách hiệu quả hơn. Vì tính từ giúp miêu tả các đặc điểm và trạng thái của sự vật một cách rõ ràng và chi tiết, chính xác nên học sinh sẽ có nhiều thuận lợi hơn khi học các khái niệm trừu tượng.

Thơ ca là một trong những thể loại văn học giàu cảm xúc và hình ảnh. Học thơ các em không chỉ cảm nhận được cái đẹp, mà các em còn có cơ hội

phát triển khả năng tư duy và tưởng tượng qua ngôn ngữ. Trong thơ, tính từ không chỉ có chức năng miêu tả mà còn mang giá trị biểu đạt nghệ thuật cao, giúp người đọc cảm nhận được những cảm xúc sâu sắc tinh tế mà nhà thơ muốn truyền tải. Việc phân tích vai trò giá trị của tính từ trong thơ không những giúp học sinh thấy được vẻ đẹp của ngôn từ mà từ đó còn cảm nhận được vẻ đẹp của văn chương.

Trong chương trình giáo dục phổ thông 2018, kiến thức về từ loại tính từ đã được trang bị cho học sinh làm quen ngay từ lớp 2 với cách gọi “ từ chỉ tính chất”. Nhưng đến lớp 4, học sinh mới chính thức được học về từ loại tính từ. Tiếp nối sách Tiếng Việt lớp 4, Tiếng Việt lớp 5- Bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống", được biên soạn với mục tiêu gắn kết kiến thức ngôn ngữ với đời sống hàng ngày. Bộ sách đã cung cấp cho học sinh rất nhiều các văn bản thơ có sử dụng tính từ. Tiêu biểu như các bài thơ: *Mầm non* (Võ Quảng), *Hạt gạo làng ta* (Trần Đăng Khoa), *Việt Nam quê hương ta* (Nguyễn Đình Thi)... Tính từ trong các bài thơ này phần nào đó đã mang lại cho các em những cảm xúc trong sáng hồn nhiên về thiên nhiên, đất nước, con người... Qua đó gửi tới các em những bài học, thông điệp vừa nhẹ nhàng sâu lắng nhưng lại có giá trị giáo dục sâu sắc.

Với sự đổi mới của chương trình giáo dục phổ thông 2018, hiện nay ở Việt Nam đang có 3 bộ sách được biên soạn theo chương trình này là: *Chân trời sáng tạo*, *Cánh diều*, *Kết nối tri thức với cuộc sống*. Trong đó, tại tỉnh Ninh Bình, phần lớn các trường Tiểu học lựa chọn sách Tiếng Việt - Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” làm tài liệu giảng dạy chính thức cho các em học sinh. Với những lý do trên, nên chúng tôi lựa chọn nghiên cứu đề tài: “*Tính từ trong các văn bản thơ của sách Tiếng Việt lớp 5- Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”*” .

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Dưới góc độ ngôn ngữ học, đến nay đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về tính từ trên nhiều bình diện khác nhau của các tác giả Việt ngữ học. Trong số đó phải kể đến một số tác giả tiêu biểu như: Nguyễn Tài Cẩn, Hoàng

Phê, Diệp Quang Ban, Nguyễn Thiện Giáp, Nguyễn Văn Hiệp,... Trong các công trình nghiên cứu của mình, các tác giả trên đã chỉ ra những đặc điểm cơ bản về tính từ tiếng Việt: ý nghĩa khái quát, khả năng kết hợp, chức năng ngữ pháp...

Trong công trình nghiên cứu *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nguyễn Tài Căn cho rằng tính từ là những từ biểu thị các đặc điểm, tính chất, trạng thái của sự vật. Tính từ thường đi kèm với danh từ để chỉ rõ hoặc bổ sung ý nghĩa cho danh từ. Ông cũng nhấn mạnh vai trò của tính từ trong câu với chức năng bổ ngữ và vị ngữ.

Hoàng Phê không chỉ nghiên cứu về từ loại, bao gồm danh từ, động từ và tính từ, mà còn chú trọng đến cách sử dụng các từ loại này trong ngôn ngữ hàng ngày và trong văn học. Trong các nghiên cứu của mình (*Từ điển tiếng Việt*), ông đã xem xét kỹ lưỡng vai trò và đặc điểm của tính từ trong tiếng Việt bao gồm: tính từ miêu tả tính chất và trạng thái, sự phong phú của tính từ trong các lĩnh vực khác nhau, sử dụng tính từ trong văn viết và nói.

Bên cạnh đó, các công trình nghiên cứu về tính từ như: *Ngữ pháp tiếng Việt thực hành* của Nguyễn Chí Hoà; *Ngữ pháp tiếng Việt - Từ loại* của Đinh Văn Đức cũng có đóng góp quan trọng trong việc làm rõ các đặc điểm ngữ pháp và chức năng của tính từ trong tiếng Việt, giúp người đọc có cái nhìn toàn diện về cách thức hoạt động của từ loại này trong ngữ cảnh ngôn ngữ.

Tính từ cũng được chọn làm đề tài nghiên cứu của một số khóa luận tốt nghiệp như: *Tính từ chỉ màu sắc trong một số tác phẩm của Anh Đức* của Huỳnh Thị Liên [12]; *Bước đầu tìm hiểu về tính từ trong tác phẩm Dế Mèn phiêu lưu ký*- Trương Thị Thu Hương [11]. Trong đó khóa luận của Trương Thị Thu Hương đã thống kê tương đối đầy đủ các loại tính từ và chỉ ra được vai trò của tính từ trong việc miêu tả ngoại hình, tính cách, hoạt động, trạng thái của nhân vật và cảnh sắc thiên nhiên trong tác phẩm.

Từ những nghiên cứu trên cho thấy, tính từ là phương tiện ngôn ngữ cần thiết để học sinh sử dụng làm công cụ trong việc tiếp nhận những vẻ đẹp, giá trị của các tác phẩm văn chương, trong đó có thơ.

Không kể các bài thơ trong phần ôn tập giữa kì và cuối kì, sách Tiếng Việt lớp 5 - Bộ sách “ Kết nối tri thức với cuộc sống” đã chọn 17 bài thơ làm ngữ liệu giảng dạy như: *Hạt gạo làng ta* (Trần Đăng Khoa); *Việt Nam quê hương ta* (Nguyễn Đình Thi); *Về ngôi nhà đang xây* (Đồng Xuân Lan); *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* (Nguyễn Khoa Điềm); *Tuổi ngựa* (Xuân Quỳnh); *Mầm non* (Võ Quảng)... Đây là những ngữ liệu có giá trị, phù hợp với tâm lý, nhận thức của các em học sinh Tiểu học.

Những tác giả với những tác phẩm nói trên là đối tượng nghiên cứu của những khóa luận tốt nghiệp như: *Bức tranh làng quê qua từ chỉ màu sắc trong thơ Trần Đăng Khoa* của Phan Thị Thanh Tâm [26]. Trong khóa luận này, trên cơ sở khảo sát, phân loại các từ chỉ màu sắc, Phan Thị Thanh Tâm đã chỉ ra vai trò, hiệu quả nghệ thuật sử dụng từ chỉ màu sắc của nhà thơ Trần Đăng Khoa khi viết về làng quê nông thôn Việt Nam.

Trong ngữ pháp tiếng Việt, tính từ luôn là một bộ phận quan trọng, có khả năng biểu đạt sâu sắc các đặc điểm, thuộc tính của sự vật, hiện tượng. Đặc biệt, trong lĩnh vực thơ ca, tính từ góp phần không nhỏ vào việc tạo nên tính biểu cảm và hình ảnh. Nhận thức được vai trò này, đã có nhiều công trình nghiên cứu đi sâu vào phân tích tính từ ở các khía cạnh khác nhau. Chẳng hạn, có một số bài báo trong quá trình nghiên cứu về đặc điểm ngôn ngữ thơ đã nêu ra những nhận xét về nghệ thuật sử dụng từ chỉ màu sắc, nghệ thuật miêu tả của các nhà thơ nói trên. Tác giả Võ Xuân Hào, Huỳnh Lê Chi Bảo trong bài báo *Đặc điểm ngôn ngữ thơ Xuân Diệu và Xuân Quỳnh* [28] đã viết như sau: “Bằng nhãn quang bay bổng và lí tưởng của mình, Xuân Quỳnh đã vẽ ra những bức tranh thi ca đầy màu sắc và mê hoặc lòng người. Gam màu mà bà thường sử dụng trong thơ thường là những gam màu tươi sáng. Đó là những màu mô phỏng màu có trong thực tế như: xanh, trắng, vàng, đỏ... Tần số xuất hiện của từ ngữ chỉ màu sắc trong thơ Xuân Quỳnh là rất cao. Chính vì điều này mà người đọc thường nhận xét trong thơ Xuân Quỳnh có họa.”

Nhắc đến văn học thiếu nhi Việt Nam không thể không nhắc tới tác giả Võ Quảng, người luôn được các nhà văn, nhà nghiên cứu đánh giá là một trong

những người tiên phong đặt nền móng cho văn học thiếu nhi Việt Nam, người đã dành trọn cuộc đời sáng tác cho thiếu nhi. Thơ Võ Quảng hấp dẫn trẻ em không chỉ vì kết cấu ngắn gọn mà còn bởi nhạc điệu trong sáng, tươi vui, tràn đầy cảm xúc. Nhận xét về nghệ thuật miêu tả trong thơ Võ Quảng, tác giả Phạm Thị Phương Liên đã viết: “ Nói đến thơ Võ Quảng viết cho thiếu nhi không thể không nhắc tới nghệ thuật miêu tả trong thơ ông. Võ Quảng như một họa sĩ tài ba đã quan sát và chắt lọc những nét tiêu biểu của con vật, cây trái, con người...để dâng tặng các em. Bằng con mắt xanh non của con trẻ, nhà thơ mang đến cho các em những rung cảm tinh tế, nhẹ nhàng” [27]. Và như vậy chắc chắn trong quá trình quan sát miêu tả, Võ Quảng cũng đã sử dụng thành công lớp từ chỉ tính chất sự vật, đó là tính từ.

Như vậy, những công trình nghiên cứu nói trên đã chỉ ra những đặc điểm ngữ pháp khái quát về tính từ tiếng Việt nói chung và nghệ thuật sử dụng tính từ (đặc biệt là các từ chỉ màu sắc) trong văn chương. Đây là những gợi ý quý báu, cần thiết để chúng tôi triển khai thực hiện nghiên cứu đề tài: *“Tính từ trong các văn bản thơ của sách Tiếng Việt lớp 5- Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”*.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Đề tài nghiên cứu về từ loại tính từ trong các văn bản thơ của sách Tiếng Việt lớp 5- Bộ sách “ Kết nối tri thức với cuộc sống” nhằm giúp học sinh và giáo viên khai thác tối đa những giá trị của tính từ. Từ đó góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ, văn chương của học sinh Tiểu học.

3.2. Nhiệm vụ

- Nghiên cứu lý thuyết về từ loại tính từ: Khái niệm, đặc điểm, phân loại.
- Khảo sát số lượng tính từ, phân loại tính từ, chỉ ra vai trò của các tính từ trong các văn bản thơ của sách Tiếng Việt lớp 5- Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” .

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng: Tính từ trong các văn bản thơ của sách Tiếng Việt lớp 5- Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”.

4.2. Phạm vi: Khoá luận khảo sát tính từ trong các văn bản thơ của sách Tiếng Việt lớp 5- Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” (NXB Giáo dục, 2024).

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu khoá luận, chúng tôi sẽ sử dụng những phương pháp sau:

- Phương pháp nghiên cứu lí thuyết: Nghiên cứu khái niệm tính từ, đặc điểm tính từ, phân loại tính từ, vai trò tính từ.

- Phương pháp thống kê - phân loại: Thống kê và phân loại các tính từ trong các văn bản thơ của sách Tiếng Việt lớp 5- Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”.

- Phương pháp phân tích - tổng hợp: Phân tích vai trò của tính từ trong các văn bản thơ. Trên cơ sở đó khái quát những giá trị tiêu biểu, đặc sắc trong việc sử dụng tính từ của các nhà thơ.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

Khoá luận được hoàn thành sẽ có những đóng góp sau:

6.1. Ý nghĩa khoa học

Thống kê và phân loại tính từ trong các văn bản thơ của sách Tiếng Việt lớp 5- Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”. Đồng thời chỉ ra vai trò của tính từ trong những hoàn cảnh sử dụng ngôn ngữ khác nhau. Qua đó thêm một lần nữa khẳng định những đóng góp của các nhà thơ vào sự phát triển ngôn ngữ dân tộc.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Là tài liệu tham khảo hữu ích cho giáo viên và sinh viên chuyên ngành Sư phạm Giáo dục Tiểu học

NỘI DUNG

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1. Một số quan niệm về tính từ

Tính từ là một trong những từ loại quan trọng trong bất cứ hệ thống ngôn ngữ nào. Khái niệm tính từ đã được rất nhiều tác giả nhắc đến trong những công trình nghiên cứu của mình.

Diệp Quang Ban và Hoàng Văn Thung cho rằng: “Lớp từ chỉ nghĩa đặc trưng (đặc trưng của thực thể hay đặc trưng của quá trình) là tính từ” [2, tr.101]. Các tác giả trên đã có những nghiên cứu rất chuyên sâu về tính từ: đặc trưng, ý nghĩa ngữ pháp, khả năng kết hợp, chức năng ngữ pháp.

Tác giả Nguyễn Hữu Quỳnh định nghĩa: “Tính từ là những từ chỉ tính chất, chỉ đặc trưng của sự vật như hình thể, màu sắc, dung lượng, kích thước, đặc trưng” [16, tr.115]. Bên cạnh đó tác giả cũng chia tính từ thành nhiều nhóm nhỏ: nhóm tính từ chỉ đặc điểm bên ngoài của sự vật, nhóm tính từ chỉ đặc điểm bên trong của sự vật, nhóm tính từ miêu tả.

Trong cuốn *Ngữ pháp tiếng Việt thực hành*, Nguyễn Chí Hòa không nêu khái niệm về tính từ tuy nhiên ông cũng đã trình bày về đặc điểm, cấu tạo và phân loại tính từ như sau:

* Về đặc điểm:

- Tính từ là những từ chỉ tính chất của sự vật.
- Xét về phương diện ý nghĩa thì tính từ thường biểu thị tính chất, trạng thái, thuộc tính; được phản ánh trong các nhóm từ chỉ màu sắc, tính từ đánh giá phẩm chất, trí tuệ.

* Về cấu tạo, chức năng:

- Trong tiếng Việt tồn tại cả tính từ đơn âm tiết và tính từ đa âm tiết.

VD 1: Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đôi hùng dũng. (Tô Hoài)

TT

TT

TT

- Trong tiếng Việt tính từ, cụm tính từ có thể làm chủ ngữ.

VD 2: Chăm chỉ là đức tính cần thiết của mỗi bạn sinh viên.

TT (CN)

- Có thể trực tiếp làm vị ngữ.

VD 3: Bạn ấy rất thông minh.

VN (Cụm TT)

* Về phân loại:

- Nhóm tính từ miêu tả trạng thái.

VD 4: “Thế là mùa rét đã tới. Cánh đồng vắng ngắt, màu xám trên trời và màu

TT

xám dưới đất đã liền vào nhau và ở giữa có gió suốt đêm ngày.”(Tô Hoài)

VD 5: Thành phố hôm nay có hội chợ nên thật náo nhiệt.

TT

VD 6: Vào mỗi buổi chiều, khi mặt trời lặn, không gian ở đây thật tĩnh lặng,

TT

yên bình.

TT

- Nhóm tính từ miêu tả đặc điểm của sự vật.

VD 7: “Lão sấm đầu được bộ cánh màu sắc sỡ không hợp tí nào với bộ mặt âm
thầm của lão. Bụng trắng, lưng xanh thắt đáy, đôi cánh nuột nà biếc tím.

TT

TT

TT

Chân lão đi đôi hia đỏ hất.” (Tô Hoài)

TT

VD 8: “ Một đàn cá nhỏ

TT

Đuôi xanh, đuôi hồng

TT

TT

Quanh cô rong đẹp

TT

Múa làm văn công ”

(Phạm Hồ)

- Nhóm tính từ miêu tả về mức độ.

VD 9: Kỳ thi này cực kì khó.

TT

VD 10: Lễ hội chùa Hương người đông chen chúc.

TT

VD 11: Buổi sáng, chợ đông dân.

TT

VD 12: Nhanh như cắt.

TT

VD 13: Dài như đĩa.

TT

VD 14: Trắng như tuyết.

TT

Bên cạnh đó, các tác giả Việt ngữ trong cuốn Tiếng Việt 3 do Lê A chủ biên cũng không đưa ra định nghĩa về tính từ mà chỉ chỉ ra đặc điểm, ý nghĩa khái quát, chức năng ngữ pháp, các tiểu loại cơ bản của tính từ.

Trong khóa luận này, chúng tôi lựa chọn quan điểm nghiên cứu về tính từ và sự phân loại về tính từ trong giáo trình Tiếng Việt 3 do Lê A chủ biên. Bởi vì đây là quan điểm hiện đang được giảng dạy trong học phần Tiếng Việt 2 dành cho sinh viên chuyên ngành Sư phạm Giáo dục Tiểu học - Hệ đại học, Trường Đại học Hoa Lư.

1.2. Đặc điểm cơ bản của tính từ

1.2.1. Ý nghĩa khái quát

Tính từ có ý nghĩa khái quát chỉ tính chất, đặc điểm của sự vật, của hoạt động, của trạng thái.

VD 15: “Bè chúng tôi theo dòng trôi băng băng. Mùa thu mới chớm nhưng nước đã trong vắt. Trông thấy cả hòn Cuội trắng tinh nằm dưới đáy. Nhìn hai

TT

TT

bên ven sông, phong cảnh đổi thay đủ điều ngoạn mục. Cỏ cây và những làng gần,

TT

núi xa luôn luôn mới. Những anh Gọng Vó đen sạm, gầy và cao, nghênh cặp
 TT TT TT TT TT

chân gọng vó đứng trên bãi lầy nhìn theo hai tôi, ra lối bái phục.” (Tô Hoài)

VD 16: Trẻ con ra ngoài đồng thì lạnh tai và đỏ hắt mũi. (Tô Hoài)
 TT TT

1.2.2. Khả năng kết hợp

Tính từ là từ loại thực từ nên nó có thể kết hợp với những phụ từ để tạo thành đoạn ngữ. Tuy nhiên, tính từ ít kết hợp với phụ từ câu khiến, ngược lại phần lớn các tính từ dễ dàng kết hợp với các phụ từ chỉ mức độ. Nói cách khác, tính từ có thể đảm nhiệm vai trò thành tố chính của một cụm từ chính phụ mà các thành tố phụ là các phụ từ, trong đó khá tiêu biểu là các phụ từ chỉ mức độ.

Tính từ có thể kết hợp với các phụ từ chỉ mức độ: rất, hơi, khá, quá...

Tính từ có thể kết hợp với tất cả các từ loại danh từ, động từ để bổ sung ý nghĩa cho các từ loại đó về mặt tính chất, đặc điểm, mức độ và kết hợp với nhiều từ loại khác trong tiếng Việt để giải thích nghĩa cho câu.

- Tính từ có khả năng kết hợp với các phụ từ chỉ thời – thế: đã, sẽ, đang...

VD 17: Ngày mai, thời tiết sẽ đẹp hơn.
 TT PT

- Tính từ có khả năng kết hợp với các phụ từ chỉ sự khẳng định – phủ định: không, chẳng...

VD 18: Bộ quần áo này chẳng vừa.
 PT TT

- Tính từ có khả năng kết hợp với các phụ từ chỉ sự tiếp diễn, tương tự, đồng nhất: vẫn, cũng, đều...

VD 19: Tất cả các bạn sinh viên Trường Đại học Hoa Lư đều năng động.
 PT TT

- Tính từ có khả năng kết hợp được với các phụ từ chỉ mức độ: rất, hơi...

VD 20: Cô giáo tôi rất hiền.
 PT TT

Đặc điểm này của tính từ góp phần giúp ta phân biệt tính từ và động từ.

Nói chung, đa số các tính từ đều kết hợp được với phụ từ chỉ mức độ. Tuy nhiên những tính từ chỉ mức độ tuyệt đối như: *trắng tinh, trẻ măng, vàng khè, đỏ lòm, ...* thì không kết hợp được với các phụ từ chỉ mức độ vì chính bản thân nó đã mang ý nghĩa tình thái, mức độ. Còn một số tính từ chỉ mức độ thấp như: *xa xa, xanh xanh, cao cao, đỏ đỏ...* thì vẫn có thể kết hợp được với phụ từ tình thái chỉ mức độ thấp hơn như: *hơi, hơi hơi.*

VD 21: Hơi xa xa.

PT TT

1.2.3. Chức năng ngữ pháp

Cũng giống như danh từ và động từ, tính từ cũng có chức năng ngữ pháp của một từ loại thực từ. Tính từ có thể làm thành phần chính, thành phần phụ trong câu, trong đó làm vị ngữ và định ngữ là hai chức năng chính của từ loại tính từ. Ngoài ra, tính từ còn có thể đảm nhiệm các chức năng ngữ pháp khác như: bổ ngữ, chủ ngữ, trạng ngữ.

+ Tính từ làm vị ngữ

Chức năng vị ngữ của tính từ có nét giống với động từ, tính từ cũng có thể làm vị ngữ trực tiếp trong câu.

VD 22: Hôm ấy, nước đầm trong xanh. (Tô Hoài)

CN VN(TT)

+ Tính từ làm bổ ngữ

VD 23: Một chú thỏ phóng nhanh. (Võ Quảng)

ĐT BN (TT)

+ Tính từ làm chủ ngữ

VD 24: Trung thực và dũng cảm là phẩm chất đáng quý.

CN(TT) VN

+ Tính từ làm trạng ngữ

VD 25 : Nhanh nhẹn, bạn Lan đứng lên trả lời câu hỏi

TN(TT)

+ Tính từ làm định ngữ

Chức năng định ngữ là một chức năng thường trực của từ loại tính từ.

VD 26: “ Những quả chín đỏ

Hát dưới nắng mai

Những chùm quả sai

Cười trong nắng mới.” (Võ Quảng)

DT ĐN (TT)

1.3. Phân loại tính từ

Tương tự như quan niệm về tính từ, việc phân loại tính từ cũng dựa trên rất nhiều những tiêu chí khác nhau. Do đó sẽ có những kết quả khác nhau.

Trong khóa luận tốt nghiệp này, chúng tôi dựa theo quan điểm phân loại tính từ của Lê A như sau:

1.3.1. Căn cứ vào ý nghĩa khái quát

Căn cứ vào ý nghĩa khái quát và khả năng kết hợp của tính từ với các từ loại khác, có thể chia tính từ thành hai nhóm sau:

* Những tính từ biểu hiện các đặc điểm về chất

Những đặc điểm này không thể lượng hóa được mà chỉ có thể được sắc thái hóa. Đó là các nhóm tính từ:

(1) Tính từ chỉ màu sắc: *đỏ, tím, vàng, đen, xanh, xanh lè, xanh um, xanh biếc, xanh ngắt,...*

(2) Tính từ chỉ kích thước, hình dáng: *to, nhỏ, lớn, bé, dài, ngắn, méo, méo mó, tròn, tròn trĩnh, tròn trặn,...*

(3) Tính từ chỉ mùi vị: *cay, đắng, ngọt, ngọt ngào, bùi, thơm, thơm tho, hôi, hôi hám,...*

(4) Tính từ chỉ tính chất vật lí: *cứng, mềm, dẻo, căng, chùng, nhão, nát,...*

(5) Tính từ chỉ phẩm chất của sự vật: *tốt, xấu, đẹp, xinh, hay, dở, tồi, cao thượng, đê hèn, xấu xa,...*

(6) Tính từ chỉ đặc trưng tâm lí – tình cảm: *hiền, ác, dữ, lành, nóng nảy, phúc hậu, đôn hậu,...*

(7) Tính từ chỉ đặc điểm sinh lí: *yếu, khỏe, mạnh, cường tráng, tráng kiện, ốm yếu,...*

(8) Tính từ chỉ đặc điểm trí tuệ: *ngu đần, ngu ngốc, thông minh, mưu trí,...*

(9) Tính từ chỉ cách thức hoạt động: *nhANH, nhanh nhẩu, nhanh nhẹn, chậm, chậm chạp, chậm rãi, vững, thạo,...*

* Các tính từ chỉ đặc điểm về lượng

Những tính từ này thường có thể lượng hóa được nhờ thành tố phụ chỉ lượng đứng sau.

VD 27:

Cao mười lăm mét.

TT TTP chỉ lượng

Rộng bốn mẫu.

TT TTP chỉ lượng

Nặng hai mươi tấn.

TT TTP chỉ lượng

1.3.2. Căn cứ vào nét nghĩa mức độ và khả năng thể hiện ý nghĩa mức độ nhờ các thành tố phụ

Có thể phân thành hai nhóm tính từ như sau:

* Tính từ chỉ đặc điểm, tính chất có các thang độ khác nhau

Các tính từ này có khả năng kết hợp với phụ từ chỉ mức độ ở trước hoặc ở sau.

VD 28:

Cực kì dũng cảm

PT TT

Rất hiền

PT TT

Vô cùng tuyệt vời

PT TT

Trắng cực kì

TT PT

Xấu quá

TT PT

Những tính từ này cũng có thể kết hợp với thành tố phụ sau khác, có ý nghĩa miêu tả mức độ.

VD 29:

Dài như sông

TT TTP

Đen kìn kịt

TT TTP

Tròn như cái trống

TT TTP

Mỏng như tờ giấy

TT TTP

Nhanh như chớp

TT TTP

* Tính từ chỉ đặc điểm không phân biệt theo các thang độ khác nhau

Các tính từ này không kết hợp với phụ từ chỉ mức độ. Nhóm này có hai loại sau:

- Các tính từ chỉ đặc điểm phân hóa thành hai cực rõ rệt, giữa hai cực đó không có các thang độ chuyển tiếp.

VD 30: *đực / cái, trống / mái, riêng / chung, công / tư, chính / phụ, độc nhất / công cộng,...*

- Các tính từ được cấu tạo theo phương thức ghép, trong đó các hình vị đi sau vừa sắc thái hóa cho hình vị đi trước, vừa chỉ mức độ cao nhất của đặc điểm tính chất mà hình vị đi trước biểu hiện.

VD 31: *xanh lè, xanh ngắt, xanh mượt, đen sì, trắng phau, đỏ lòm, thơm phức, vàng xuộm, tím ngắt, nâu sẫm...*

* Ngoài ra, dưới đây chúng tôi trình bày thêm quan điểm phân loại tính từ của Diệp Quang Ban trong cuốn *Ngữ pháp tiếng Việt* như sau:

- Tính từ chỉ đặc trưng không xác định thang độ: Đây là lớp tính từ chỉ đặc trưng không biểu thị ý nghĩa thang độ tự thân. Thường kết hợp với phụ từ chỉ ý nghĩa thang độ: rất, hơi, khá, quá, lắm, cực kì... hoặc kết hợp với thực từ hàm chỉ ý nghĩa thang độ.

Tính từ chỉ đặc trưng không xác định thang độ gồm:

- (1) Những tính từ chỉ phẩm chất: *tốt, đẹp, xấu; khéo; vụng, tầm thường, quan trọng, phải, trái, hèn, mạnh, hèn nhát, dũng cảm...*
- (2) Những tính từ chỉ đặc trưng về lượng: *nhiều, ít, rậm, thưa, ngắn, dài, cao, thấp, rộng, hẹp...*
- (3) Những tính từ chỉ đặc trưng cường độ: *mạnh, yếu, nóng, lạnh, sáng, tối, nóng nực, lạnh lẽo, mát mẻ...*
- (4) Những tính từ chỉ đặc trưng hình thể: *vuông, tròn, thẳng, gãy, cong, méo, gầy, béo...*
- (5) Những tính từ chỉ đặc trưng màu sắc: *xanh, đỏ, vàng, nâu, đậm, nhạt...*
- (6) Những tính từ chỉ đặc trưng âm thanh: *ồn, im, vắng, lặng, ồn ào, lặng lẽ, im lìm...*
- (7) Những tính từ chỉ đặc trưng mùi, vị: *thơm, thối, đắng, cay, ngọt, bùi, nồng, thối tha, nhạt nhẽo...*

VD 32: “Chim cu đeo cườm

Áo pha nâu đất

TT

Chân đỏ

TT

Cổ nhỏ

TT

Tiếng hát rất vang.” (Võ Quảng)

TT

Tính từ chỉ đặc trưng xác định thang độ: Lớp tính từ này chỉ đặc trưng đồng thời biểu thị *thang độ của đặc trưng trong ý nghĩa tự thân, thường là ở mức tuyệt đối*. Do đó, chúng không kết hợp với phụ từ mức độ như rất, hơi, quá, khá, lắm...và cũng không đòi hỏi thực từ đi kèm để bổ nghĩa.

Trong lớp tính từ này, có các nhóm:

+ Chỉ đặc trưng tuyệt đối. Số lượng từ trong nhóm rất hạn chế: *riêng, chung, công, tư, chính, phụ, độc nhất, công cộng*. Chúng thường dùng kèm với danh từ, hoặc với động từ để bổ nghĩa cho danh từ, động từ.

VD 33:

Chúng ta có những sở thích chung, nhưng cũng có đam mê riêng.

TT

TT

Mỗi người đều có những bí mật riêng mà không muốn chia sẻ với ai.

TT

Hai bạn, bạn nào là diễn viên chính, diễn viên phụ?

TT

TT

+ Chỉ đặc trưng tuyệt đối không làm thành cặp đối lập. Các từ trong nhóm này thường là từ láy hoặc từ ghép: *đỏ lòm, trắng phau, đen sì, xanh mượt; xanh xanh, đỏ đỏ, vàng vàng, vàng giòn, nâu sẫm*... Ý nghĩa đặc trưng tự thân ở thang độ tuyệt đối, không được đặt vào thế đối lập so sánh. Nhóm từ này không kết hợp với phụ từ chỉ mức độ.

VD 34: “Thực ra gã cũng không phải tay vừa. Người gã xanh rục và vạm vỡ,

TT

bắp chân bắp cẳng bóng nhẫy, mập mạp. Lưng gã gò lên rắn chắc, và đôi cánh

TT

màu lá cây làm thành chiếc áo giáp kín xuống tận đuôi. Đẳng đuôi, mắc thêm lưỡi guom cong hoắt. Đầu gã lớn, mút nhọn lại, húc rất khỏe. Hai vành râu

TT

trắng phau.

TT

Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi

TT

liềm máy làm việc.” (Tô Hoài)

+ Chỉ đặc trưng mô phỏng. Các từ trong nhóm có cấu tạo ngữ âm theo lối mô phỏng trực tiếp đặc trưng âm thanh, hoặc theo lối biểu trưng âm – nghĩa, mô phỏng gián tiếp đặc trưng hình thể của sự vật, hành động hoặc tính chất: *ào ào,*

đùng đùng, lè tè, lênh khênh... Tính từ chỉ đặc trưng mô phỏng có thể kết hợp hạn chế với phụ từ: *hoi*.

VD 35:

“Đôi càng bè bè, nặng nề trông đến xấu.

TT

Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc

TT

phiện.” (Tô Hoài)

- Tính chất đặc biệt của lớp từ mô phỏng:

Lớp từ mô phỏng – từ tượng thanh hay tượng hình – là một lớp từ có tính chất đặc biệt cả về mặt cấu tạo, về ý nghĩa khái quát từ vựng – ngữ pháp, về hoạt động ngữ pháp, và về giá trị phong cách sử dụng trong ngôn ngữ.

Đây là lớp từ có vỏ ngữ âm mô phỏng theo lối trực tiếp (tượng thanh) hoặc mô phỏng theo lối gián tiếp (tượng hình).

Một số từ mô phỏng có đặc trưng danh từ: *cốc, mèo, quạ, cheo cheo, bìm bịp...* (chỉ loài vật); *cút kít, bình bịch...* (chỉ đồ vật); *chút chút...* (chỉ cây cối). Một số khác có đặc trưng động từ: *gù, hí, đập, hí hục, đập chát, bóp chát...* Những từ nói trên đã đi vào các lớp từ một cách bình thường, xét theo các đặc trưng từ loại của chúng.

Phần lớn từ mô phỏng còn lại, bao gồm những từ mô phỏng trực tiếp (tượng thanh) và những từ mô phỏng gián tiếp (tượng hình), phản ánh các khái niệm và biểu tượng sự vật, hiện tượng thông qua mối liên hệ âm – nghĩa, có phần phức tạp hơn. Căn cứ vào cấu tạo, các từ mô phỏng thường có cơ chế lấy âm, nên ranh giới giữa từ mô phỏng với từ lấy đích thực khó xác định. Tuy nhiên, trong từ mô phỏng, không thể phân biệt tiếng “gốc” và tiếng “láy” như trong các từ lấy đích thực. Các tiếng trong từ mô phỏng không có nghĩa, chúng vốn là âm thanh hiện thực được cải tạo phù hợp với cơ chế lấy để tạo ra sự hòa phối ngữ âm có tác dụng biểu trưng nghĩa. Vì vậy, bản chất ngữ pháp của từ mô phỏng khó định loại, có tính chất trung gian.

Nhưng nhìn chung, có thể xếp đại bộ phận từ mô phỏng vào tính từ (ngoài những từ đã có vị trí ổn định trong danh từ và động từ). Đặc trưng của tính từ mô phỏng là:

- Ý nghĩa khái quát của từ mô phỏng là ý nghĩa *đặc trưng* (đặc trưng của sự vật, hiện tượng, quá trình). Tuy từ tượng thanh có thể biểu thị ý nghĩa quá trình, nhưng nói chung, ý nghĩa đặc trưng vẫn là ý nghĩa khái quát của lớp từ mô phỏng. Ý nghĩa đặc trưng của từ mô phỏng có tính chất tuyệt đối.
- Khả năng kết hợp của từ mô phỏng gần với khả năng kết hợp của tính từ: chúng không kết hợp với các từ “*hãy*”, “*đừng*”, “*chớ*”.
- Chức năng cú pháp của từ mô phỏng giống chức năng của tính từ: dùng làm từ kèm bổ nghĩa danh từ hay động từ và làm vị ngữ trong câu.

Như vậy, chúng ta có thể thấy Diệp Quang Ban đã tập trung chủ yếu dựa vào tiêu chí ý nghĩa thang độ thông qua sự kết hợp giữa tính từ với các phụ từ chỉ ý nghĩa thang độ để phân loại tính từ. Đây có lẽ là đặc trưng nổi bật nhất về ý nghĩa khái quát và khả năng kết hợp của tính từ. Đặc trưng này giúp chúng ta phân biệt tính từ và các từ loại khác nhất là động từ. Đồng thời tác giả đã chỉ rõ hơn đặc điểm lớp tính từ chỉ đặc trưng mô phỏng. Đây là một bổ sung quan trọng của tác giả về phân loại tính từ tiếng Việt.

1.4. Kết luận chương 1

Trong chương 1, chúng tôi đã trình bày một số quan niệm về tính từ và các đặc trưng cơ bản của tính từ trên 3 phương diện: ý nghĩa khái quát, khả năng kết hợp, chức năng ngữ pháp. Đồng thời chúng tôi cũng trình bày cách phân loại tính từ của hai tác giả Lê A và Diệp Quang Ban. Cách phân loại về tính từ của 2 tác giả trên đã bổ sung cho nhau góp phần hoàn thiện thêm cách phân loại tính từ tiếng Việt. Đây là những cơ sở lí luận tiền đề giúp chúng tôi triển khai nghiên cứu nội dung chương 2.

Chương 2

TÍNH TỪ TRONG CÁC VĂN BẢN THƠ CỦA SÁCH TIẾNG VIỆT LỚP 5- BỘ SÁCH “ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG”

2.1. Giới thiệu về sách Tiếng Việt lớp 5- Bộ sách “ Kết nối tri thức với cuộc sống”

Sách giáo khoa (SGK) Tiếng Việt 5 thuộc bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” được biên soạn theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018.

* Cấu trúc sách

Tiếng Việt 5 được chia thành 2 tập, tập một dành cho học kì I (18 tuần, mỗi tuần 7 tiết), tập hai dành cho học kì II (17 tuần, mỗi tuần 7 tiết). Ngoài các bài học chính, mỗi tập sách đều có các thành phần cơ bản: mục lục (đặt ở đầu sách), bảng tra cứu thuật ngữ, bảng tra cứu tên riêng nước ngoài (ở cuối sách). Về cơ bản, cấu trúc cả tập sách và cấu trúc của từng bài học trong 2 tập là như nhau.

Các bài học ở tập một được tổ chức theo 4 chủ điểm: *Thế giới tuổi thơ (4 tuần)*, *Thiên nhiên kì thú (4 tuần)*, *Trên con đường học tập (4 tuần)* *Nghệ thuật muôn màu (4 tuần)*. Các chủ điểm ở tập một tập trung vào đời sống xung quanh các em và những gì gắn với sách vở, học tập hoặc các hoạt động nghệ thuật. Mỗi tuần có 2 bài, bài thứ nhất 3 tiết, bài thứ hai 4 tiết. Ngoài ra, có một tuần dành cho ôn tập giữa học kì (7 tiết) và một tuần dành cho ôn tập và đánh giá cuối học kì I (7 tiết).

Các bài học ở tập hai cũng được tổ chức theo 4 chủ điểm: *Vẻ đẹp cuộc sống (4 tuần)*, *Hương sắc trăm miền (4 tuần)*, *Tiếp bước cha ông (4 tuần)*, *Thế giới của chúng ta (3 tuần)*. Các chủ điểm ở tập hai được mở rộng sang những phạm vi khác của đời sống, thể hiện mối quan hệ của HS với cuộc sống xung quanh, với quê hương, đất nước nhìn qua chiều không gian (các vùng miền), thời gian (trải qua các thế hệ) và với thế giới mà chúng ta đang sống. Tương tự tập một, ở tập hai, mỗi tuần có 2 bài, bài thứ nhất 3 tiết, bài thứ hai 4 tiết. Ngoài

ra, có một tuần dành cho ôn tập giữa học kì (7 tiết) và một tuần dành cho ôn tập và đánh giá cuối năm học (7 tiết).

Cuối mỗi tập sách đều có đề tham khảo để GV có thể dựa vào đó thiết kế đề kiểm tra học kì và cuối năm cho HS. Đề tham khảo chỉ là gợi ý về cấu trúc và các dạng bài tập cần có trong đề kiểm tra. Còn độ khó thì cần được linh hoạt trong giới hạn cho phép tùy theo điều kiện dạy học thực tế của mỗi địa phương và nhà trường.

* Cấu trúc bài học

Như đã nêu trên, mỗi tuần có 2 bài học.

- Bài thứ nhất học trong 3 tiết:

+ Tiết 1: Đọc

+ Tiết 2: Luyện từ và câu

+ Tiết 3: Viết

- Bài thứ hai học trong 4 tiết:

+ Tiết 1 và 2: Đọc và luyện tập theo văn bản đọc

+ Tiết 3: Viết

+ Tiết 4: Nói và nghe hoặc Đọc mở rộng

Hoạt động đọc bao gồm khởi động, đọc thành tiếng và đọc hiểu. Câu hỏi đọc hiểu được thiết kế đa dạng, theo các mức độ yêu cầu khác nhau về đọc hiểu nêu trong chương trình Tiếng Việt lớp 5. Hệ thống câu hỏi đọc hiểu cho mỗi văn bản, như đã nêu trên thường có 3 nhóm: nhận biết; phân tích, suy luận; đánh giá, vận dụng. Đối với văn bản đọc là thơ, đôi khi có yêu cầu học thuộc lòng một số khổ thơ hoặc cả bài thơ.

Hoạt động viết tập trung vào luyện viết đoạn hoặc bài văn hoàn chỉnh theo quy định của chương trình. Trước khi thực hành viết, HS được hướng dẫn nhận biết đặc điểm của kiểu đoạn, bài và cách viết đoạn, bài thuộc kiểu đó. Tương tự Tiếng Việt 4, Tiếng Việt 5 không thiết kế phần riêng cho viết chính tả và hoàn thành bài tập chính tả vì các em đã được luyện tập những nội dung này từ các lớp dưới. Các kĩ năng liên quan đến chính tả được rèn luyện theo cách lồng ghép vào những nội dung khác của bài học, đặc biệt là ở phần viết đoạn, bài.

Hoạt động nói và nghe được thực hành theo 2 hình thức: 1) Thảo luận về một vấn đề đang quan tâm, một vấn đề có ý kiến khác biệt, 2) Giới thiệu về một địa điểm (di tích, địa điểm tham quan hoặc địa chỉ vui chơi), đôi khi là sự vật gắn với một địa điểm. Sách có phần *Đọc mở rộng* được phân bổ luân phiên với phần *Nói và nghe*, 4 tuần có một tiết. Tiếp nối Tiếng Việt 4, trong hoạt động đọc mở rộng, SGK Tiếng Việt 5 chú ý yêu cầu HS đọc hiểu theo thể loại, trong đó chủ yếu là truyện và thơ, sau đó là văn bản thông tin. Trong nhiều phiếu đọc sách có mục yêu cầu HS nhận biết một số yếu tố cơ bản của văn bản xét về phương diện thể loại.

Phần *Luyện từ và câu* trong sách Tiếng Việt 5 nhằm giúp HS luyện tập để phát triển vốn từ, kỹ năng đặt câu và một số kỹ năng sử dụng tiếng Việt khác, trên cơ sở đó phát triển kỹ năng viết đoạn, bài văn. Kiến thức phần *Luyện từ và câu* trong Tiếng Việt 5 gồm: từ vựng (đồng nghĩa, đa nghĩa), từ loại (đại từ, kết từ), các kiểu câu (câu đơn, câu ghép) và cách nối các vế của câu ghép, biện pháp tu từ (điệp từ, điệp ngữ), liên kết câu trong đoạn văn; từ điển và cách sử dụng từ điển, dấu câu (dấu gạch ngang), cách viết tên riêng (tên người, tên địa lí) nước ngoài, viết hoa danh từ chung để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt. Như đã nêu trên, tất cả các kiến thức đó đều được “cài đặt” vào bài học khai thác theo định hướng phục vụ trực tiếp cho mục tiêu phát triển kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của HS.

Cuối mỗi bài (cả bài 3 tiết và bài 4 tiết) đều có phần *Vận dụng*, yêu cầu HS thực hành ngoài giờ lên lớp, thường là kể hoặc chia sẻ với người thân về câu chuyện đã nghe, cùng người thân thực hiện một việc cần ứng dụng kiến thức đã học ở lớp,...

Trong cả bài 3 tiết và bài 4 tiết, chỉ có các nội dung lớn (các mạch chính) mới được thể hiện bằng đề mục: *Đọc, Viết, Nói và nghe, Luyện từ và câu*. Các nội dung ở cấp độ thấp hơn đều được thể hiện bằng logo hoặc câu lệnh. Nhờ vậy, cấu trúc của bài học trông đơn giản và dễ nhận biết.

2.2. Kết quả khảo sát thống kê tính từ trong các văn bản thơ của sách Tiếng Việt lớp 5 – Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”.

Dựa vào phân lý thuyết về tính từ trong chương 1, chúng tôi đã tiến hành khảo sát số lượng, phân loại, xác định chức năng các tính từ trong 21 văn bản thơ (17 bài trong phần đọc, 4 bài trong phần ôn tập) của sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5- Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”. Kết quả khảo sát được trình bày cụ thể trong bảng phụ lục. Trong quá trình khảo sát, để tiện theo dõi chúng tôi đã không sắp xếp các tính từ theo thứ tự bảng chữ cái Tiếng Việt mà trình bày các tính từ theo trình tự xuất hiện trong văn bản. Bởi vì mỗi tính từ xuất hiện trong những ngữ cảnh khác nhau sẽ mang lại những giá trị ngữ nghĩa, ngữ pháp khác nhau.

2.2.1. Số lượng tính từ trong các văn bản thơ

Qua khảo sát chúng tôi đã thống kê được 239 tính từ. Trong đó có một số tính từ xuất hiện nhiều lần trong 1 tác phẩm.

VD 36:

Tính từ “thơm” xuất hiện 2 lần

- Gió *thơm* vừa ghé- ô kìa!
- Tay lùa từng ngón gió *thơm* [8, tr53]

VD 37:

Tính từ “xanh” xuất hiện 2 lần

Quả bóng *xanh* bay giữa trời *xanh* [8, tr.122]

Tính từ “trẻ” xuất hiện 2 lần

Trái đất *trẻ* của các bạn *trẻ* năm châu [8, tr.122]

Tính từ “ quý; thơm” được xuất hiện 2 lần

Màu hoa nào cũng *quý*, cũng *thơm* !

Màu hoa nào cũng *quý*, cũng *thơm* ! [8, tr.122]

VD 38:

Tính từ “ ngoan” xuất hiện 7 lần

- Em ngủ cho *ngoan* đừng rời lưng mẹ
- Ngủ *ngoan* a- kay oi, ngủ *ngoan* a- kay hồi

- Em ngủ cho *ngoan* đừng rời lưng mẹ
- Em ngủ *ngoan* em đừng làm mẹ mỗi
- Ngủ *ngoan* a- kay ơi, ngủ *ngoan* a- kay hồi... [8, tr.13-14]

Có những bài thơ hầu như dòng nào cũng sử dụng tính từ

VD 39: Bài: *Thế giới trong trang sách*, gồm 16 dòng thơ, trong đó có 11 dòng xuất hiện tính từ (dòng 1, 2, 3, 6, 7, 8, 11, 12, 13, 14, 16).

2.2.2. Phân loại

Dựa theo ý nghĩa, nội dung của tính từ trong tác phẩm, chúng tôi đã phân loại như sau:

- (1) Tính từ miêu tả đặc điểm, tính cách, hoạt động, trạng thái của người.
- (2) Tính từ miêu tả đặc điểm, tính chất, hoạt động, trạng thái của cây cối, đồ vật, con vật, cảnh vật, hiện tượng tự nhiên...

Bảng phân loại dưới đây sẽ cho thấy rõ hơn về tỷ lệ xuất hiện của các loại tính từ trong các văn bản thơ.

Bảng 2.1. Bảng thống kê số lượng tính từ được sử dụng trong các văn bản thơ của sách Tiếng Việt lớp 5- Bộ sách “ Kết nối tri thức với cuộc sống”

STT	Các loại tính từ	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Tính từ miêu tả đặc điểm, tính cách, hoạt động, trạng thái của người	48	20,08%
2	Tính từ miêu tả đặc điểm, tính chất, hoạt động, trạng thái của cây cối, đồ vật, con vật, cảnh vật, hiện tượng tự nhiên...	191	79,91%
Tổng		239	100%

Trong số các tính từ nói trên, tính từ miêu tả đặc điểm, tính chất, hoạt động, trạng thái của cây cối, đồ vật, con vật, cảnh vật, hiện tượng tự nhiên chiếm tỉ lệ cao hơn so với tính từ miêu tả đặc điểm, tính cách, hoạt động, trạng thái của người.

2.2.3. Chức năng

Trong các văn bản thơ mà chúng tôi đã khảo sát, tính từ thường đảm nhiệm những chức năng ngữ pháp sau:

+ Tính từ làm vị ngữ

VD 40:

“Mùi hoa huệ ngọt ngào” [7, tr.19]

VN

“Gió và nắng xôn xao” [7, tr.19]

VN

“Một đêm trăng chơi vui” [7, tr.122]

VN

“Những năm băng đạn

Vàng như lúa đồng” [8, tr.17]

VN

VD 41:

+ Tính từ làm trạng ngữ

“Đẹp lòng, vua phán bầy tôi” [8, tr.154]

TT (TN)

+ Tính từ làm bổ ngữ

VD 42:

“Một chú thỏ phóng nhanh” [7, tr.64]

ĐT BN(TT)

+ Tính từ làm định ngữ

“Trái đất rộng có chân người chinh phục” [7, tr.105]

DT ĐN (TT)

“Mặt trăng hiền giấu chú cuội ở đâu?” [7, tr.105]

DT ĐN (TT)

Như vậy, trong các văn bản thơ của sách Tiếng Việt lớp 5- Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” tính từ thường đảm nhiệm các chức năng: vị ngữ, bổ ngữ, định ngữ, trạng ngữ. Điều này phù hợp với ý nghĩa khái quát

và chức năng ngữ pháp của tính từ tiếng Việt nói chung. Các chức năng ngữ pháp này của tính từ đã được các nhà thơ sử dụng một cách linh hoạt, khéo léo để mang lại những giá trị nghệ thuật đặc sắc trong các tác phẩm của mình.

2.3. Vai trò của tính từ trong các văn bản thơ của sách Tiếng Việt lớp 5- Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”

2.3.1. Tính từ miêu tả đặc điểm, tính cách, hoạt động, trạng thái của người

Không chỉ đơn thuần là công cụ miêu tả đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng hay khía cạnh của con người (tính cách, hoạt động, trạng thái), tính từ trong thơ ca còn sở hữu một năng lực biểu cảm mạnh mẽ, vượt lên trên ý nghĩa từ vựng thông thường. Chính qua những sắc thái tinh tế của tính từ mà tình cảm sâu sắc, thiêng liêng như tình yêu quê hương đất nước được neo đậu và truyền tải một cách chân thực, sống động, khơi gợi xúc cảm mạnh mẽ nơi người đọc, đặc biệt là các em học sinh tiểu học

Tiếp nối với những chủ đề trong các bộ sách Tiếng Việt 1,2,3,4, sách Tiếng Việt 5 (KNTTVCS) mang đến cho các em HS Tiểu học 8 chủ đề: *Thế giới tuổi thơ, Thiên nhiên kì thú, Trên con đường học tập, Nghệ thuật muôn màu, Vẻ đẹp cuộc sống, Hương sắc trăm miền, Tiếp bước cha ông, Thế giới của chúng ta*. Mỗi một chủ đề cung cấp thêm cho các em những hiểu biết mới thông qua rèn luyện 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết. Qua đó, các em được hình thành những năng lực và phẩm chất cần thiết, chuẩn bị cho giai đoạn chuyển cấp tiếp theo.

Ở mỗi chủ đề, các tác giả đều cố gắng lựa chọn những bài thơ hay có ý nghĩa giáo dục, gợi mở những khía cạnh khác nhau. Trong số đó có những bài thơ sử dụng khá nhiều các tính từ miêu tả đặc điểm, tính cách, hoạt động, trạng thái của người: *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ, Hạt gạo làng ta, Bộ đội về làng, Việt Nam quê hương ta, Bài ca trái đất...*

Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ của tác giả Nguyễn Khoa Điềm được lựa chọn đưa vào chủ đề *Vẻ đẹp cuộc sống*. Đây là đoạn trích giàu cảm xúc, giàu hình ảnh. Qua ngòi bút miêu tả của nhà thơ, người mẹ Tà - ôi hiện lên thật đẹp. Dù cuộc sống có nhiều khó khăn, vất vả nhưng người mẹ vẫn

luôn lạc quan, yêu đời và vẫn luôn dành hết tình yêu thương của mình cho đứa con thân yêu, bé bỏng đang ngủ trên lưng.

“Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi
Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ
Mẹ già gạo mẹ nuôi bộ đội
Nhịp chày *nghiêng* giấc ngủ em *nghiêng*
Mồ hôi mẹ rơi má em *nóng hổi*
Vai mẹ *gầy nhóp nhô* làm gôi
Lưng đưa nôi và tim hát thành lời:

-Ngủ *ngoan* a - kay ơi, ngủ *ngoan* a - kay hỡi” [8; tr.13]

Mỗi chúng ta ai sinh ra và lớn lên cũng có một người mẹ. Mẹ là người cưu mang 9 tháng 10 ngày, mang nặng đẻ đau. Mẹ là người che chở, dạy dỗ ta nuôi ta khôn lớn trưởng thành... “Đi khắp thế gian không ai tốt bằng mẹ/ Gánh nặng cuộc đời không ai khổ bằng cha. /Nước biển mênh mông không đong đầy tình mẹ/ Mây trời lồng lộng không phủ kín tình cha”. Có lẽ vì vậy nên đi suốt cuộc đời, con cũng chẳng thể nào đi hết được lời mẹ ru. Vì “mẹ ru cái lẽ ở đời/ Sữa nuôi phần xác, hát nuôi phần hồn” (Nguyễn Duy - *Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa*). Vì trong lời hát ngọt ngào của mẹ còn có: “ Cánh cò trắng, dải đồng xanh/ Con yêu màu vàng hoa mướp/ Con gà cục tác lá chanh...” (Trương Nam Hương - *Trong lời mẹ hát*). Và đây nữa, lời ru a - kay của người mẹ Tà - ôi còn chứa đựng bao niềm tin, ước mơ, khát vọng. Người mẹ Tà - ôi thật đặc biệt khi ru con bằng đôi vai gầy, khi ru con bằng nhịp chày giã gạo *nghiêng nghiêng*: “Vai mẹ *gầy nhóp nhô* làm gôi”. Chiếc nôi, chiếc võng, chiếc gôi đầu cho con nằm của người mẹ Tà - ôi được tạo nên từ những nỗi nhọc nhằn, vất vả nhưng cũng đầy niềm tin hi vọng. Mẹ hi vọng bằng công việc nhỏ bé, thầm lặng hằng ngày “giã gạo nuôi bộ đội”, mẹ sẽ góp phần vào thắng lợi chung của đất nước. Mẹ hi vọng khi con lớn khôn trưởng thành con sẽ được sống trong một đất nước hòa bình, ấm no hạnh phúc. Lúc đó con sẽ trở thành một chàng trai mạnh mẽ, cường tráng, tài giỏi: “ Mai sau con lớn vùng chày lún sân”. Cho nên con hãy ngủ cho “ngoan” con nhé, hãy mơ về “hạt gạo trắng ngần”. Vì tương lai của

con, vì đất nước, vì dân tộc, mẹ sẽ vượt qua mọi khó khăn, gian khổ... Con là nguồn động lực, là chỗ dựa tinh thần lớn lao của mẹ, là “mặt trời” của mẹ: “Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi/ Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng”. Tình mẫu tử của người mẹ Tà - ôi đã hòa chung vào tình yêu quê hương, đất nước. Mẹ càng yêu con, thương con bao nhiêu thì mẹ càng yêu quê hương, đất nước bấy nhiêu. Mẹ đã ru con không chỉ bằng lời mà ru con bằng cả trái tim, tấm lòng của mẹ. “Lưng đưa nôi và tim hát thành lời”. Có lẽ đây chính là một phần cội nguồn sức mạnh của dân tộc Việt Nam. Chiến thắng của dân tộc Việt Nam trước các thế lực ngoại xâm trong đó có một phần công lao của các mẹ.

Trong các cuộc kháng chiến bảo vệ đất nước, những người ở hậu phương có vai trò rất quan trọng. Đó là những người mẹ, người chị, người em... không quản bao nắng mưa sương sớm, vừa sản xuất, vừa tham gia chiến đấu. Họ cũng đã góp phần làm nên chiến thắng vĩ đại của dân tộc. Họ cũng chính là vẻ đẹp của đất nước Việt Nam.

Giống như những người mẹ Tà - ôi, những người nông dân trong bài thơ *Hạt gạo làng ta* của Trần Đăng Khoa cũng phải trải qua bao khó khăn để làm ra hạt lúa hạt gạo.

“Hạt gạo làng ta
Có vị phù sa
Của sông Kinh Thầy
Có hương sen *thơm*
Trong hồ nước *đầy*
Có lời mẹ hát
Ngọt bùi đắng cay” [8, tr.17]

Qua những tính từ “ngọt bùi, đắng cay”, tác giả đã vẽ nên một bức tranh sinh động về cuộc sống lao động vất vả nhưng đầy ý nghĩa của những người làm ra hạt gạo. Họ không chỉ phải vượt qua những thử thách khắc nghiệt của thiên nhiên: “bão tháng bảy, mưa tháng ba, trưa tháng sáu, nước như ai nấu” mà còn phải đối mặt với chiến tranh bom đạn ác liệt hàng ngày.

“Hạt gạo làng ta

Những năm bom Mỹ
Trút trên mái nhà
Những năm cây súng
Theo người đi xa
Những năm băng đạn
Vàng như lúa đồng” [8, tr.17]

Thế nhưng họ vẫn bền gan vững chí, vẫn bền bỉ để có những mùa vàng bội thu. Cho nên những hạt thóc - tinh túy của đất trời, chắt lọc từ bao mưa nắng công sức lao động nhọc nhằn của người nông dân vẫn đến được với các anh bộ đội để tiếp thêm sức mạnh, sức chiến đấu cho các anh. “Bát cơm mùa gặt/ Thơm hào giao thông...” Thiên nhiên có khắc nghiệt đến đâu, chiến tranh bom đạn ác liệt đến mức nào vẫn không ngăn nổi tình yêu quê hương đất nước, tình yêu lao động của những người nông dân Việt Nam, trong đó có các em nhỏ.

“Hạt gạo làng ta
Có công các bạn
Sớm nào chống hạn
Vực mả miệng gàu
Trưa nào bắt sâu
Lúa *cao rất* mặt
Chiều nào gánh phân
Quang trành quét đất” [8, tr.18]

Các cụm động từ, cụm tính từ “chống hạn, vực mả miệng gàu, bắt sâu, rất mặt” trong đoạn thơ trên đã miêu tả những việc làm ý nghĩa, góp phần làm ra hạt lúa hạt gạo của các em nhỏ. Tùy theo sức lao động của mình, các em cũng không ngại bao khó khăn để tham gia sản xuất. Mặc dù chưa đủ thuần thục để không “vực mả miệng gàu” khi tát nước, chưa đủ chiều cao để bắt sâu cho lúa mà không bị “rất mặt” và “gánh phân” để “quang trành không “quét đất” nhưng các em vẫn vui vẻ, hăng hái chăm chỉ, tham gia lao động. Các em

vẫn cất tiếng hát hồn nhiên yêu đời để gửi tới muôn nơi, “gửi ra tiền tuyến” những “hạt vàng”, hạt ngọc đậm đà tình nghĩa quê hương.

Bài thơ *Hạt gạo làng ta* của Trần Đăng Khoa đã miêu tả rất chân thực về cuộc sống lao động của người nông dân Việt Nam, ca ngợi giá trị của hạt gạo và tình yêu quê hương đất nước. Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương sâu sắc của tác giả. Hình ảnh làng quê với những cánh đồng lúa chín vàng, với những con người cần cù, chất phác đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc.

Càng yêu quê hương đất nước bao nhiêu chúng ta càng phải nhớ đến công lao của các vị anh hùng dân tộc, công lao của những người đi trước bấy nhiêu. Họ đã đổ bao xương máu cho mảnh đất này. Để có hòa bình, độc lập tự do như ngày hôm nay, các em không được quên quá khứ. Các em hãy biết trân trọng từng chặng đường lịch sử hào hùng của dân tộc. Các em hãy làm cho đất nước Việt Nam nghìn năm văn hiến của chúng ta “sánh vai” được với các cường quốc năm châu, đúng như lời Bác Hồ đã từng căn dặn: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Đó cũng là nội dung của chủ đề *Tiếp bước cha ông*.

Để thể hiện một cách sâu sắc nội dung của chủ đề này, các tác giả viết sách đã rất dụng công khi chọn lựa ngữ liệu là những văn bản nói về những truyền thống quý báu của dân tộc ta như: truyền thống lịch sử văn hóa lâu đời (*Nghìn năm văn hiến*); truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo (*Người thầy của muôn đời*); truyền thống yêu nước, tự hào tự tôn dân tộc (*Danh y Tuệ Tĩnh, Cụ Đồ Chiểu, Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa*). Đoạn trích *Bộ đội về làng* trong bài thơ *Bao giờ trở lại* của Hoàng Trung Thông nằm trong chủ đề này. Bài thơ ca ngợi tình cảm quân dân thắm thiết trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954). Đây cũng là một truyền thống tốt đẹp, góp phần tạo nên sức mạnh của dân tộc Việt Nam.

Đoạn trích *Bộ đội về làng* miêu tả hình ảnh những người lính trở về quê hương sau những năm chiến đấu đầy gian khổ. Mở đầu đoạn trích tác giả đã sử dụng những cụm từ “đã lâu rồi”, “ngày ngày”, “nhớ mãi” nhấn mạnh sự chờ

đội, mong ngóng của người dân. Không biết bao giờ các anh mới trở lại nơi đây nhưng lúc nào xóm làng quê hương đã từng bao bọc che chở nuôi dưỡng các anh vẫn ngóng trông ngày các anh trở về. Bởi vì:

“Các anh về mái *ám* nhà vui
Tiếng hát câu cười
Rộn ràng xóm nhỏ
Các anh về *tưng bừng* trước ngõ,
Lớp lớp đàn em *hón hờ* theo sau
Mẹ già bịn rịn áo nâu
Vui đàn con ở rừng *sâu* mới về [8, tr.109]

Trông ngóng mong chờ bao nhiêu, xóm làng vui vẻ, náo nức, bấy nhiêu, khi các anh trở về. Già trẻ, trai gái, ai ai cũng hân hoan, hạnh phúc. Những tiếng hát, tiếng cười, tiếng nói chuyện rộn rã, “tưng bừng” khắp ngõ xóm, làng quê. Nhưng có lẽ vui nhất, hồn nhiên nhất là những em nhỏ “Lớp lớp đàn em *hón hờ* theo sau”. Tính từ “*hón hờ*” miêu tả thật chính xác tâm trạng của những cô bé, cậu bé lúc này. Trong con mắt thơ ngây, trong sáng của các em, các anh bộ đội như những người anh hùng, mang theo chiến thắng trở về. Các em ngưỡng mộ, tự hào, biết ơn và thật hạnh phúc khi thấy các anh về làng. Bởi vì các anh về là mang theo bình yên, hạnh phúc.

Trong những năm tháng chiến đấu chống giặc ngoại xâm, mỗi làng quê Việt Nam đều trở thành quê hương của các anh bộ đội. Người dân nào cũng trở nên gắn bó máu thịt với các anh. Các anh đi dân nhớ, các anh ở dân thương. Nhân dân ta luôn thương yêu che chở cho các anh bộ đội. Vì các anh đã phải chịu đựng bao gian khổ khó khăn, không tiếc máu xương đời mình hi sinh cho độc lập, tự do của dân tộc. Các anh đã trở về đây, hòa bình, hạnh phúc đã về đây nhưng ai cũng thấu hiểu được những khó khăn của các anh nơi chiến trường đầy bom đạn, nhất là những người mẹ già ở các làng quê. Mẹ không sinh ra các anh nhưng tất cả các anh đều là con của mẹ. Vậy nên làng quê dù có “bé nhỏ”, nhà lá dù có “đơn sơ” nhưng tất cả đều đông đầy hạnh phúc, tấm lòng ai cũng “rộng mở” để đón các anh trở về.

Cùng nằm trong chủ đề *Tiếp bước cha ông* là bài *Việt Nam quê hương ta* – một trích đoạn trong trường ca *Bài thơ Hắc Hải* của nhà thơ Nguyễn Đình Thi. Đây là đoạn trích sử dụng khá nhiều tính từ không chỉ miêu tả vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước mà còn khắc họa hình ảnh con người Việt Nam với những phẩm chất cao quý. Mở đầu đoạn trích, tác giả miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước. Cảnh sắc thiên nhiên Việt Nam từ vùng đồng bằng (nơi có biển lúa) đến vùng núi cao (nơi có đỉnh Trường Sơn) hiện lên tươi đẹp, yên bình, trù phú... Nhưng để có được sự thanh bình ấy, dân tộc ta đã trải qua biết bao, đau thương mất mát và hi sinh.

“Quê hương biết mấy thân yêu
Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau
Mặt người vất vả in sâu
Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn
Đất nghèo nuôi những anh hùng
Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên
Đạp quân thù xuống đất đen
Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa.” [8, tr.117]

Người Việt Nam tự bao đời gắn bó với ruộng đồng, cây lúa. Họ là những người nông dân chân lấm tay bùn chịu bao lam lũ “vất vả”, nhọc nhằn để làm ra hạt lúa, hạt gạo. “Cày đồng đang buổi ban trưa/ Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày/ Ai ơi bưng bát cơm đầy/ Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần”. Đó là những con người cần cù chịu thương, chịu khó, hiền lành chất phác như hạt lúa hạt gạo. Nhưng mỗi khi có giặc ngoại xâm những người nông dân ấy lại trở nên mạnh mẽ, kiên cường, can đảm hơn bao giờ hết. Họ đã trở thành những “anh hùng”, “những Thạch Sanh của thế kỉ hai mươi”. Bằng những tính từ “vất vả, nâu, nghèo, hiền” kết hợp với các động từ “in, nhuộm, chìm, vùng, đứng, vứt bỏ”, tác giả đã miêu tả chân thực vẻ đẹp, hình ảnh con người Việt Nam trong những năm tháng chiến tranh đầy gian khổ.

Tính cách của người Việt còn được thể hiện rõ nét hơn qua khổ thơ tiếp theo:

“Việt Nam đất nấng *chan hòa*
Hoa *thơm* quả *ngọt* bốn mùa trời *xanh*
Mắt *đen* cô gái *long lanh*

Yêu ai yêu trọn tâm tình *thủy chung*”. [8, tr.117]

Những cô gái Việt Nam không chỉ đẹp về hình thể mà còn đẹp về tâm hồn. Đó là những người phụ nữ hồn hậu, sống thủy chung nhân nghĩa, trước sau như một. Trong số họ, biết bao người giống như nàng Tô Thị, đã hóa thành tượng đá vọng phu chờ chồng mãi mãi đến nghìn năm không thay lòng đổi dạ.

Không chỉ giản dị trong lao động, anh hùng trong chiến đấu, người Việt Nam cũng rất giỏi giang, tài hoa, sáng tạo.

“Đất trăm nghề của trăm vùng
Khách phương *xa* tới *lạ* lòng tìm xem
Tay người như có phép tiên

Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ.” [8, tr.117]

Trên dải đất hình chữ S, ở mỗi vùng quê, đâu đâu cũng có những làng nghề truyền thống: nghề dệt lụa, nghề làm gốm, nghề mộc, nghề chạm khắc đá, nghề thêu, dệt thổ cẩm, nghề đan lát, nghề chạm khắc tranh Đông Hồ... Tất cả những làng nghề đó đã tạo nên những sản phẩm độc đáo, thu hút và trở nên hấp dẫn với khách muôn nơi trên thế giới. Tính từ “*xa, lạ* lòng” trong bài thơ đã thể hiện chính xác điều đó. Đó không chỉ là sản phẩm của một vùng quê mà còn trở thành biểu tượng văn hóa Việt Nam, tài năng Việt Nam, hồn cốt của dân tộc Việt: “Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong/ Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp” (Hoàng Cầm). Dù chỉ có những điều kiện vật chất đơn sơ, bình dị “*tre lá*” nhưng bằng đôi bàn tay khéo léo, người Việt vẫn sáng tạo nên những sản phẩm tinh hoa. Những làng nghề ấy, sản phẩm ấy như một sự khẳng định sức mạnh trường tồn của bản sắc, của văn hóa Việt Nam. Đúng là “Việt Nam quê hương ta đẹp lắm mặc lửa khói giày xéo tháng năm. Người Việt Nam da nâu mắt đen, thảo thơm bất khuất như cành sen.” (Đông Thiên Đức)

Từ đất nước Việt Nam xinh đẹp, đến với chủ đề *Thế giới của chúng ta*, các em sẽ có thêm hiểu biết về những xứ sở xa xôi, nắm bắt được nhiều vấn đề

mà cả thế giới quan tâm. Nhờ đó, các em sẽ có ý thức chung tay góp phần để giữ gìn trái đất - ngôi nhà chung của nhân loại ngày càng tươi đẹp hơn. Qua rất nhiều các văn bản: *Bài ca trái đất, Những con hạc giấy, Một người hùng thầm lặng, Giờ trái đất, Điện thoại di động, Thành phố thông minh Mat-xđa*, các tác giả đã gửi tới các em nhiều thông điệp có ý nghĩa. Trong đó, bài thơ *Trái đất này là của chúng mình* thể hiện ước mơ của các em thiếu nhi về một thế giới hòa bình, đoàn kết, không có chiến tranh. Bởi vì “Trái đất này là của chúng mình”. Hãy để cho cánh chim hải âu tự do chao liệng trên sóng biển bao la. Hãy để cho đàn bò câu “thương mến” bay đi khắp nẻo, mang hòa bình, hạnh phúc đến với muôn nơi. Bất kể dân tộc nào, màu da nào (da trắng, da vàng, da đen) đều được quyền sống tự do, độc lập. Đúng như Bác Hồ đã đọc trong bản Tuyên ngôn “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.”

2.3.2. Tính từ miêu tả đặc điểm, tính chất hoạt động, trạng thái của cây cối, đồ vật, con vật, cảnh vật, hiện tượng tự nhiên...

Trong bản giao hưởng của ngôn ngữ thơ ca, tính từ không chỉ là những nốt nhạc đơn lẻ mà còn là những nét chấm phá tài tình, góp phần kiến tạo nên một thế giới tự nhiên sống động và phong phú. Chúng vượt ra ngoài vai trò định danh thông thường, trở thành công cụ đắc lực để miêu tả đặc điểm hình dáng, màu sắc (như *xanh ngắt, trắng tinh*), tính chất (như *trong veo, mát rượi*), hoạt động (như *gió vi vu, chim hót líu lo*) hay trạng thái (như *trắng vắng vặc, sương giăng mờ ảo*) của cây cối, đồ vật, con vật, cảnh vật và các hiện tượng tự nhiên. Chính sự đa dạng và giàu biểu cảm của tính từ đã phác họa nên một bức tranh toàn cảnh về sự kỳ diệu, vô tận của thế giới tự nhiên, từ đó mở rộng tầm nhìn, khơi gợi trí tưởng tượng và nuôi dưỡng tâm hồn nhạy cảm của người đọc, đặc biệt là các em học sinh tiểu học.

Bên cạnh những tính từ chỉ đặc điểm, hoạt động, trạng thái của người, các văn bản thơ của sách Tiếng Việt 5 (KNTTVCS) cũng sử dụng tương đối nhiều các tính từ chỉ đặc điểm hoạt động, trạng thái của cây cối, con vật, cảnh

vật, hiện tượng tự nhiên. Những tính từ đó cũng đã góp phần truyền tải tới các em học sinh Tiểu học những bài học có giá trị.

Mở đầu sách Tiếng Việt 5 (KNTTVCS), các tác giả mang tới cho các em chủ đề *Thế giới tuổi thơ*. Mỗi người chúng ta sinh ra lớn lên, trưởng thành đều có một “Thế giới tuổi thơ” của riêng mình. Thế giới ấy sẽ theo các em suốt năm tháng cuộc đời, trở thành một phần kí ức không bao giờ phai nhạt. Có bạn sẽ luôn nhớ đến những trò chơi tuổi thơ. Có bạn sẽ nhớ đến những cánh đồng, những dòng sông quê hương gắn với bao kỉ niệm. Có bạn sẽ nhớ đến những tình bạn trong sáng thơ ngây... Nhưng có những bạn lại tưởng tượng ra thế giới diệu kì của riêng mình. Đọc và tìm hiểu bài thơ *Tuổi Ngựa* của Xuân Quỳnh, các em sẽ gặp lại mình trong thế giới tưởng tượng của một bạn nhỏ đáng yêu.

“-Mẹ ơi, con sẽ phi
Qua bao nhiêu ngọn gió
Gió *xanh* miền trung du
Gió *hồng* vùng đất đỏ
Gió *đen* hút đại ngàn
Mập mô triền núi đá...
Con mang về cho mẹ
Ngọn gió của trăm miền.
Ngựa con sẽ đi khắp
Trên những cánh đồng hoa
Lóa màu trắng hoa mơ
Trang giấy *nguyên* chưa viết
Con làm sao ôm hết
Mùi hoa huệ *ngọt ngào*
Gió và nắng *xôn xao*
Khắp đồng hoa cúc dại” [7, tr.18]

Tuổi thơ luôn có nhiều ước mơ, mong muốn khám phá thế giới xung quanh. Khi còn thơ bé, chúng ta muốn tìm hiểu ở cuối làng kia, hay cuối con đường kia, góc phố kia có những gì. Lớn lên chúng ta muốn đi khắp muôn nơi

để tìm hiểu những điều thú vị của cuộc sống. Bạn nhỏ trong bài thơ trên cũng vậy. Khi biết được rằng mình là tuổi ngựa, em đã tưởng tượng mình như chú ngựa con rong ruổi khắp đó đây. Ngựa con đã đi qua bao nhiêu vùng đất: miền trung du, vùng đất đỏ, rừng đại ngàn, triền núi đá, những cánh đồng hoa... Mỗi bước đi, lại thấy sự thay đổi diệu kì. Vì mỗi vùng đất lại có những vẻ đẹp riêng. Ngựa con cảm nhận được “màu xanh” của cây cối, của những ngọn gió vùng trung du, màu hồng của những ngọn gió vùng đất đỏ cao nguyên rộng lớn, màu đen “hút đại ngàn” của những cánh rừng âm u, sâu thẳm. Ngựa con đi qua cả những triền núi đá bao mấp mô hiểm trở để đến với những cánh đồng bạt ngàn đầy cỏ hoa, nắng gió. Đến đây, ngựa con cảm nhận được vị “ngọt ngào” của hoa huệ trắng, nét tinh khôi của “màu trắng hoa mơ” và bạt ngàn hoa cúc dại. Những tính từ “xanh, hồng, đỏ, đen, trắng, ngọt ngào, xôn xao” đã làm cho thế giới tưởng tượng của chú ngựa con trở nên hấp dẫn bởi nhiều màu sắc và ánh sáng. Hương thơm của hoa cỏ, “xôn xao” của nắng gió cũng theo nhịp bước chân đi của ngựa con. Thế nhưng, dù cho những miền đất ấy có đẹp đến đâu, hoa cỏ, nắng gió xuyên xao đến mức nào, cũng không ngăn nổi bước chân ngựa con trở về với mẹ. “Dẫu cách núi cách rừng/Dẫu cách sông cách biển/Con tìm về với mẹ/Ngựa con vẫn nhớ đường” [7, tr.18]. Với ngựa con “đi thật xa để trở về”, đi thật xa để biết thế giới này thật rộng lớn, thật hấp dẫn, thật thú vị. Nhưng thế giới ấy cũng không thể mang lại sự vui thích bằng niềm vui được trở về nhà với mẹ. Mẹ mới là niềm vui, niềm hạnh phúc lớn lao của con. Với ngựa con, mẹ là cánh đồng hoa tươi đẹp luôn ngập tràn ánh nắng và hương thơm ngọt ngào.

Chủ đề tiếp theo *Thiên nhiên kì thú* lại mang tới cho các em những khám phá về các hiện tượng tự nhiên (núi lửa, hang động...), cung cấp cho các em rất nhiều điều kì thú về những nơi các em có thể chưa đặt chân tới: sa mạc Xa - ha - ra, rừng xanh, vịnh Hạ Long. Hay đứng *Trước cổng trời* để cảm thấy ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, thơ mộng, hữu tình của cảnh vật thiên nhiên vùng núi cao.

“Giữa hai bên vách đá

Mở ra một khoảng trời
Có gió thoảng mây trôi
Cổng trời trên mặt đất?

Nhìn ra xa *ngút ngát*
Bao sắc màu cỏ hoa
Con thác réo ngân nga
Đàn dê soi đáy suối.

Giữa *ngút ngàn* cây trái
Dọc vùng rừng *nguyên sơ*
Không biết thực hay mơ
Ráng chiều như hơi khói...

Những vạt nương màu mật
Lúa *chín* ngập lòng thung
Và tiếng nhạc ngựa rung
Suốt triền rừng *hoang dã*.” [7, tr.46]

Được lên trời, được hiểu biết về vũ trụ bao la là ước mơ từ bao đời nay của con người trên hành tinh trái đất. Từ xưa, khi chưa có nhiều phương tiện khoa học để khám phá, cha ông ta đã dùng trí tưởng tượng của mình để giải thích các hiện tượng thiên nhiên kì bí. Và trong tưởng tượng của cha ông ta, trên trời - đó là thế giới bồng lai tiên cảnh. Ở đó có những cô tiên xinh đẹp, có những vị thần, ông tiên với sức mạnh, phép thuật kì diệu, nhiệm màu. Ở đó có những đám mây ngũ sắc trôi bồng bềnh, có ánh sáng rực rỡ bao phủ các đền đài giát bằng châu ngọc giữa những khu vườn đầy hoa thơm quả lạ. Điều này đã được phản ánh trong rất nhiều các tác phẩm văn học dân gian: *Sự tích chú Cuội cung trăng*, *Từ Thức gặp tiên*,... Và muốn lên trời thì chỉ có một cách duy nhất đó là lên đỉnh núi cao - nơi bốn mùa mây bao phủ, nơi tiếp giáp gần nhất với trời. Có lẽ vì vậy, nên trong tưởng tượng của tác giả Nguyễn Đình Ảnh,

giữa hai vách núi cao, có một khoảng không rộng ra đấy chính là cổng trời. Từ đây các em sẽ được bước vào thế giới “thần tiên”, sẽ được nhìn thấy rất nhiều cảnh đẹp còn nguyên sơ của trời đất. Qua màn sương khói mờ lung, huyền ảo, các em có thể nhìn thấy cả một không gian mênh mông, bất tận. Những đám mây trôi bồng bềnh là là trên đỉnh núi. Những khu rừng nguyên sơ cất giấu bao điều bí ẩn, “ngút ngàn cây trái”. Những vạt lúa vàng màu mật trải dài khắp vạt nương, trong các thung lũng. Những dòng suối trong vắt có thể soi bóng. Ráng chiều vàng óng ả như nối đất với trời. Cỏ hoa với sắc màu tươi rói. Các em còn có thể nghe thấy tiếng thác reo “ngân nga”, tiếng suối chảy róc rách, tiếng nhạc ngựa rung “suốt triền rừng hoang dã”. Những tính từ “ngút ngát, ngút ngàn, nguyên sơ, hoang dã...” kết hợp với các động từ, danh từ “thoảng, trôi, nhìn, réo, mơ, gió, mây, rừng...” đã vẽ nên một khung cảnh thiên nhiên nơi miền núi cao thật hùng vĩ, khoáng đạt, trong lành, đầy âm thanh, màu sắc. Trong không gian ấy con người hiện lên đầy sức sống: “Vạt áo chàm thấp thoáng/ Nhuộm xanh cả nắng chiều/ Và gió thổi suối reo/ Ấm giữa rừng sương giá” [7, tr.46]. Con người sống hòa mình với thiên nhiên, bầu bạn với thiên nhiên nên mẹ thiên nhiên cũng ban tặng cho con người vẻ đẹp trong lành, và những thức ăn quý giá “Người Tày từ khắp ngã/ Đi gặt lúa, trồng rau/ Những người Giáy, người Dao/ Đi tìm măng hái nấm” [7, tr.46]. Bài thơ mang tới cho các em những vẻ đẹp nguyên sơ của đất trời và vẻ đẹp hiền hòa của con người nơi vùng núi.

Không chỉ được khám phá những vẻ đẹp lạ kì của các hiện tượng tự nhiên, vẻ đẹp thiên nhiên của nhiều vùng đất xa xôi, các em còn có thể cảm nhận được những biến chuyển tinh tế của đất trời khi thời tiết giao mùa qua bài thơ *Mầm non* của nhà thơ Võ Quảng.

“Dưới vỏ một cành bàng
Còn vài chiếc lá đỏ
Một mầm *non nho nhỏ*
Còn nằm nép *lặng im...*

Mầm *non* mắt lim dim

Cổ nhìn qua kẽ lá
Thấy mây bay *hối hả*
Thấy *lất phất* mưa phùn.
Rào rào trận lá tuôn
Rải *vàng đầy* mặt đất
Rừng cây trông *thưa thớt*
Thấy chỉ cội với cành.
Một chú thỏ phóng *nhANH*
Chạy nấp vào bụi *vẮNG*.
Và tất cả *im ẮNG*
Từ ngọn cỏ làn rêu...”[7, tr.64]

Mùa đông đến mang theo sự lạnh giá, cây cối muôn loài đều cảm nhận được điều này, mầm non cũng vậy. Mầm non cũng phải đi tránh rét, nó nằm “nép lặng im” trú ngụ “dưới vỏ cành bàng” không cựa quậy, để quan sát, để chờ đợi. Mầm non như đang ngủ đông trong chiếc chăn là vỏ cây ấm áp. Với đôi mắt “lim dim”, qua kẽ lá, nó cũng tò mò muốn biết cảnh vật xung quanh mình ra sao. Và mầm non nhìn thấy: từng “trận lá” tuôn “ào ào”, mây bay “hối hả”, mưa phùn “lất phất”. Trời rét cắt da cắt thịt. Không gian im ắng, tĩnh lặng. Tĩnh lặng từ ngọn cỏ, làn rêu đến tiếng gió, tiếng lá reo. Không có một con vật nào, loài cây nào chịu đựng được cái rét của mùa đông. Rừng cây xanh lá bây giờ cũng chỉ còn thưa thớt toàn “cội với cành”. Tất cả đều phải tránh rét. Không gian thật ảm đạm, buồn vắng.

Thế nhưng khi mùa xuân về, mọi vật đổi thay thật kì diệu.

“Chợt một tiếng chim kêu:
- Chíp chiu chiu! Xuân đến.
Tức thì trăm ngọn suối
Nổi *róc rách* reo mừng,
Tức thì ngàn chim muông
Nổi hát ca *vang dẬY*.
Mầm non vừa nghe thấy

Vội bật chiếc vỏ rơi

Nó đứng dậy giữa trời

Khoác áo màu *xanh biếc*.” [7, tr.65]

Nếu mùa đông im ắng, lạnh lẽo bao nhiêu thì mùa xuân lại ấm áp, tung bừng, rộn rã bấy nhiêu. Chỉ một tiếng chim kêu báo hiệu mùa xuân về là cả dàn đồng ca của muôn loài vang dậy. Suối róc rách reo mừng chào đón mùa xuân trở về. Mùa xuân về mang theo sự sống, mang theo những niềm tin, hi vọng, mang theo những khát khao, hạnh phúc. Nếu mùa đông chỉ có màu vàng của lá, màu đỏ của lá bàng thì mùa xuân là chồi non, lộc biếc, là màu xanh căng tràn nhựa sống.

Mầm non cũng giống như con người, cũng phấn chấn, cũng hào hứng trước vẻ đẹp của đất trời, cũng vui vẻ, cũng muốn đón nhận sự đổi thay kì diệu của mùa xuân mang lại. Nên khi “nghe thấy” tiếng chim kêu, tiếng suối chảy, nó vội vàng nhanh chóng thoát ra khỏi cái vỏ cây đen nhám, xù xì để khoác chiếc áo “màu xanh biếc”. Vậy là sự sống đã trỗi dậy, sự sống đã bắt đầu: “Thế là mùa xuân mong ước đã đến. Đầu tiên, từ trong vườn, mùi hoa hồng, hoa huệ sực nức. Trong không khí không còn ngửi thấy hơi nước lạnh lẽo mà bây giờ đầy hương thơm và ánh sáng mặt trời. Cây hồng bì đã cởi bỏ hết những cái lá già đen thui. Các cành cây đều lấp lánh màu xanh. Những cành xoan khẳng khiu đương trổ lá lại sắp bung tỏa ra những tán hoa sang sảng, tím tím. Ngoài kia, rừng rậm bụt cũng sắp có nụ” (Tô Hoài)

Bằng sự quan sát tinh tế, trí tưởng tượng phong phú, Võ Quảng đã miêu tả mầm non như một em bé thật đáng yêu, ngộ nghĩnh. Đáng yêu từ lúc còn đang ngủ đông trong chiếc vỏ cây “nếp lặng im” đến lúc “đứng dậy giữa trời” để khoác màu áo “xanh biếc”. Mầm non cũng tự hào, hãnh diện để chào đón cuộc sống mới. Với việc sử dụng biện pháp nhân hóa kết hợp với tính từ chỉ màu sắc “xanh biếc” cuối bài thơ, Võ Quảng đã mang lại cho các em sự cảm nhận thật tinh tế về quá trình đâm chồi, nảy lộc của cây xanh. Đó chính là sự đổi thay kì diệu của thiên nhiên tươi đẹp. Bài thơ đã thể hiện được tình yêu của

tác giả đối với vẻ đẹp bình dị của thiên nhiên, đất nước. Đọc bài thơ các em cảm nhận được cái đẹp của thiên nhiên, qua đó thêm yêu cuộc sống.

Cuộc sống quanh ta luôn biến đổi, vận động không ngừng và có biết bao điều cần chúng ta tìm hiểu khám phá. Để hoàn thiện bản thân, chúng ta phải nỗ lực học tập, rèn luyện. Trên chặng đường vất vả kiếm tìm tri thức, sách là người bạn đồng hành cùng mỗi người. Đọc sách, chúng ta sẽ thêm hiểu biết, thêm nhiều kiến thức về quá khứ, hiện tại và cả tương lai. Vậy nên Mác - xim Gorki đã từng nói “Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới”. Và bài thơ *Thế giới trong trang sách* của nhà thơ Huệ Triệu cũng nói về điều đó.

“Trang sách mở ra thế giới *diệu kì*:

Trên bầu trời những vì sao *lấp lánh*

Mặt biển *xanh*, cánh buồm *nâu* trong nắng

Sau cơn mưa hiện bảy sắc cầu vồng. [7, tr.105]

Sách là kho tàng quý giá của nhân loại, chứa đựng những tinh hoa kiến thức tích lũy qua hàng ngàn năm. Sách không chỉ là nơi lưu giữ mà còn là cách để con người truyền đạt, chia sẻ những kiến thức từ đời này sang đời khác. Vì vậy đọc sách giúp các em có một tâm hồn đẹp, trí tuệ mở mang. Bởi vì thế giới trong trang sách thật “*diệu kì*”. Những trang sách mang lại cho các em vẻ đẹp *lấp lánh* của những vì sao trên bầu trời bao la, rộng lớn. Trên dòng sông Ngân Hà, “ngàn sao” đang “*làm việc*” chăm chỉ, say mê: “Sao Thần Nông tỏa rộng/ Một chiếc vó bằng vàng/...Rực rỡ ngôi sao hôm/ Như đuốc đèn soi cá/ Bầu trời thêm rộn rã/ Cả nhóm Đại Hùng Tinh/ Buông gàu bên sông Ngân/ Suốt đêm lo tát nước” (Võ Quảng). Không chỉ cảm nhận được vẻ đẹp của trăng sao, các em còn cảm nhận được những vẻ đẹp khác nhau của biển cả mênh mông, gợn sóng. “Biển luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời. Trời xanh thẳm, biển cũng thẳm xanh, như dâng cao lên chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương” (Vũ Tú Nam). Trên mặt biển, những cánh buồm “*được nắng chiếu vào hồng rực lên như đàn bướm lượn giữa trời xanh*” (Vũ Tú Nam). Sách còn giúp các em thấy được vẻ đẹp của bảy sắc cầu vồng sau những cơn mưa mùa hạ.

Trang sách trả lời cho các em nhiều câu hỏi, giải đáp cho các em rất nhiều thắc mắc.

“Trang sách trả lời câu hỏi tuổi thơ

Vũ trụ *bao la* bao điều *bí mật*

Trái đất *rộng* có chân người chinh phục

Mặt trăng *hiền* giấu chú Cuội ở đâu?” [7,tr.105]

Nhờ đọc sách mà các em sẽ hiểu được bao điều “bí mật” của vũ trụ “bao la”. Các em sẽ hiểu được vì sao lại có núi lửa, có sa mạc, có tuyết rơi, có băng giá...Các em sẽ hiểu được đặc điểm những vùng đất xa xôi ngay cả khi chúng ta chưa bao giờ đặt chân tới. Các em sẽ được cùng những nhà thám hiểm đi lên mặt trăng để thấy được thực chất hình ảnh “chú Cuội” là như thế nào. Hoặc các em sẽ được lặn xuống biển sâu để khám phá đáy đại dương bí ẩn... Tất cả những sự hiểu biết đó là do chúng ta đọc sách mà có.

Càng hiểu biết nhiều, các em sẽ có nhiều ước mơ, khát vọng: “ Trang sách thấp lên ngọn lửa khát khao/ Những ước mơ có dáng hình xứ sở/ Những ước mơ tuổi thơ luôn *rộng* mở/ Con đường *dài* *tít* *tắp* đợi mong ta” [7, tr.105]. Đọc những tác phẩm như *Dế mèn phiêu lưu ký* của nhà văn Tô Hoài, các em sẽ hiểu được quá trình trưởng thành của chú Dế Mèn. Và cũng hiểu được những ước mơ, khám phá chân trời mới của Mèn. Cũng giống như các em, Mèn muốn đi đây đi đó để trưởng thành hơn, bản lĩnh hơn.“Tôi không muốn, cho đến lúc nhắm mắt, vẫn phải ân hận chẳng biết đằng cuối cánh đồng mênh mông kia còn những gì lạ và cuộc đời ở đây ra sao” (Tô Hoài). Trải nghiệm cùng nhân vật trong các trang sách các em sẽ tự bồi dưỡng bản thân những giá trị tốt đẹp.

Đọc sách các em còn hiểu được những giá trị truyền thống ngàn đời của dân tộc: truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm, truyền thống nhân đạo, truyền thống hiếu học... “Bài học nào trong trang sách *thiết tha*/ Nhân nghĩa bao đời cha ông gìn giữ/ Như dòng sông sẽ chảy về biển cả/ Lớn *khôn* rồi vẫn nhớ tiếng mẹ ru” [7, tr.105]. Từ đó, các em cần phải có trách nhiệm giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp, truyền thống quý báu đó. Cùng với những danh từ, động từ “mặt biển, hiện, chinh phục,...” những tính từ “lấp lánh, xanh, nâu,

bao la, bí mật,...” đã góp phần thể hiện được vẻ đẹp, sự diệu kì cũng như bài học quý báu của những trang sách đối với trí tuệ, tâm hồn người đọc.

Trong quá trình trưởng thành, khôn lớn các em không chỉ được tìm hiểu thế giới thiên nhiên tươi đẹp, được hiểu biết thông qua những trang sách bổ ích mà các em còn được tiếp xúc với rất nhiều các bộ môn nghệ thuật: âm nhạc, hội họa, múa, điêu khắc... Vì vậy, các bài đọc của chủ điểm tiếp theo *Nghệ thuật muôn màu* sẽ giúp các em có những hiểu biết về thế giới nghệ thuật phong phú. Và khi đọc xong các văn bản đó, các em có thể tự khám phá được những khả năng, năng khiếu tiềm ẩn của bản thân mình.

Trong sách Tiếng Việt 4 (KNTTVCS), các em đã hiểu được sự ra đời của bản nhạc cổ điển xô-nát Ánh trăng của nhà soạn nhạc nổi tiếng Bét- tô-ven. Các em đã thấy được tài năng của nhà soạn nhạc và hiểu được phần nào nội dung bản nhạc: “Những nốt nhạc ngẫu hứng vang lên, tràn đầy cảm xúc yêu thương của nhà soạn nhạc thiên tài, lúc êm ái, nhẹ nhàng như ánh trăng, lúc lại mạnh mẽ như sóng sông Đa- nuyép”. Lên lớp 5, các em sẽ được cảm nhận giai điệu của một nhạc cụ dân gian rất nổi tiếng của nước Nga, đó là *Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà*

“Tiếng đàn ba-la-lai-ca

Như ngọn gió *bình yên*

Thổi qua rừng bạch dương *dù dặt...*

Tiếng đàn ba-la-lai-ca

Như ngọn sóng

Vỗ *trắng phau* ghềnh đá

Nghe náo nức

Những dòng sông *nóng* lòng tìm biên cả...” [7, tr.122]

Bài thơ *Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà* do nhà thơ Quang Huy sáng tác nói về tình cảm của người dân Việt Nam trước sự giúp đỡ của Liên Xô trong công cuộc xây dựng nhà máy thủy điện sông Đà - Hòa Bình.

Với thể thơ tự do, kết hợp với biện pháp so sánh và sử dụng các động từ, tính từ: “bình yên, thổi, dù dặt, vỗ, trắng phau, nóng, tìm”, nhà thơ Quang Huy

đã miêu tả thật sinh động tiếng đàn ba-la-lai-ca. Tiếng đàn vang lên lúc trầm lúc bổng, lúc khoan thai, lúc dồn dập nghe thánh thót diu dặt, du dương. Tiếng đàn mang theo ngọn gió thổi qua rừng bạch dương của nước Nga xinh đẹp. Tiếng đàn reo vui, náo nức ngợi ca tình đoàn kết hữu nghị giữa hai quốc gia, hai dân tộc. Tiếng đàn mang theo tấm lòng bè bạn của nhân dân Xô Viết gửi tới nhân dân Việt Nam: “Chỉ còn tiếng đàn ngân nga/ Với một dòng trăng lấp loáng sông Đà” [7, tr.122]. Bốn bề tĩnh lặng để nghe tiếng đàn của cô gái Nga xinh đẹp với mái tóc màu hạt dẻ. Âm thanh tiếng đàn cùng với ánh trăng vàng dịu dàng lan tỏa ra khắp nơi. Dòng sông Đà như dòng sông trăng lấp loáng. Tiếng đàn đã hòa quyện vào cảnh đẹp thơ mộng của đêm trăng trên công trường thế kỉ hứa hẹn bao hi vọng về tương lai tươi sáng của đất nước. Rồi mai đây, “Từ công trình thủy điện lớn đầu tiên” này, “ánh sáng” và tấm lòng của người dân Xô Viết sẽ được gửi đến muôn nơi trên đất nước Việt Nam.

Nếu như chủ đề *Nghệ thuật muôn màu* mang tới cho các em những hiểu biết về các bộ môn nghệ thuật thì chủ đề *Hương sắc trăm miền* lại mang tới cho các em những hiểu biết về những vẻ đẹp riêng biệt khác nhau ở mỗi một vùng quê. Đó có thể là nét riêng trong trang phục, nhà cửa, món ăn, thức uống... Những nét riêng biệt đó tạo nên hương sắc cho mỗi vùng miền, góp phần làm giàu đẹp thêm văn hóa dân tộc. Bài thơ *Hương cốm mùa thu* của tác giả Bảo Ngọc trong chủ điểm trên sẽ giới thiệu cho các em về một món ăn nổi tiếng của đất Thăng Long nghìn năm văn hiến.

“Tháng chín heo may về phố
Dắt theo hương cốm vào thu
Sớm nay *xôn xao* ô cửa
Gió *thơm* vừa ghé - ô kìa!” [8, tr.53]

Thời gian thấm thoát thoi đưa, bốn mùa xuân, hạ, thu, đông nối nhau luân phiên làm thay đổi cảnh vật đất trời. Mỗi mùa đều có vẻ đẹp riêng, dấu ấn riêng. Nhưng có lẽ đối với thủ đô Hà Nội, mùa đẹp nhất trong năm là mùa thu. Mùa thu với hương hoa sữa nồng nàn, với sắc lá vàng tràn ngập lối đi, với những buổi sớm heo may qua từng con phố. Hà Nội mùa thu đẹp như trong

tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái. Hà Nội mùa thu cũng trở thành kí ức của bao người trong đó có nhạc sĩ Trịnh Công Sơn: “Hà Nội mùa thu cây cơm nguội vàng. Cây bàng lá đỏ, nằm kê bên nhau, phố xưa nhà cổ, mái ngói thâm nâu”. Và đặc biệt Hà Nội vào thu có “mùa cốm xanh về, thơm bàn tay nhỏ...”

Mùa cốm đến làm biết bao tâm hồn người thôn thức. Hạt cốm quý và thơm thảo từ khi được gieo trồng tới khi gặt hái là thức quà đặc trưng của thủ đô Hà Nội. Hình ảnh “Tháng Chín heo may về phố/ Dắt theo hương cốm vào thu” gợi cho người đọc sự xuất hiện nhẹ nhàng tinh tế của hương cốm trong trời thu. Sự xuất hiện nhẹ nhàng, tinh tế ấy khiến mọi người vừa mừng rỡ xôn xao, vừa bất ngờ khi nhận ra hương cốm - hương mùa thu đã về. Từ những hạt lúa được gieo trồng, cày cấy, vất vả sớm hôm, người nông dân thu hoạch sàng sảy chế biến thành hạt cốm. "Hạt lúa tròn căng hơi sữa / Thảo thơm dâng tặng cho đời" [8, tr.53].

Hạt cốm là kết tinh của đất trời, của hồn người “Tay mẹ tay bà sàng sảy/Cốm mang hồn đất hồn người” [8, tr.53]. Cho nên bạn nhỏ trong bài thơ đã cảm nhận được màu sắc, hương thơm đặc trưng của cốm.

“Em thấy màu vàng của nắng

Em thấy màu xanh của trời

Em thấy màu nâu của đất.

Ủ trong hạt cốm *xanh ngời*” [8, tr.53]

Cách tả màu sắc của hạt cốm cho thấy bạn nhỏ cảm nhận về món quà kì diệu của mùa thu rất tự nhiên, bình dị. Đó là những màu sắc của đất trời, của nắng, gió kết tinh vào trong hạt cốm. Màu nâu là màu của đất- đất nuôi dưỡng cây lúa trĩu bông, căng tròn, mẩy hạt. Màu vàng là màu của nắng- nắng làm cho hạt lúa chín vàng. Màu xanh là màu của trời - trời xanh bao la, không khí mát lành trong trẻo làm cho hạt lúa thơm hương đồng ruộng. Tất cả tạo nên hạt cốm thơm mát trong lành. Tác giả cũng có sự quan sát rất tinh tế và rất hiểu quá trình làm cốm khi miêu tả hạt cốm "xanh ngời". Hạt cốm ngon nhất là hạt cốm ngâm sữa (lúa còn non và bấm ra sữa), chín vào độ giữa thu. Đây là thời điểm cho cốm mềm, dẻo, thơm nhất trong năm theo kinh nghiệm làm cốm lâu năm của người

dân làng Vòng. Cốm làm xong có màu xanh nhạt của lúa non của lá sen bao bọc. Đây cũng là nét tinh tế trong ẩm thực của người Hà Nội.

Cốm đặc biệt bởi theo nhà văn Vũ Bằng khi thấy gió hiu hiu về là người dân Hà Nội đều nhớ đến cốm làng Vòng. Chưa cần phải ăn, chỉ nghĩ đến cốm thôi cũng đã thấy ngát lên mùi thơm dịu ngọt của lúa non. Ai đi xa Hà Nội đều không thể quên mùi vị đặc trưng này. “Tháng Chín bước chân ra phố/Tay lùa từng ngón gió *thơm*/Hò Gươm chớp đôi mắt *biếc*/ Nhắc mùa hương cốm vừa lên” [8, tr.53]. Hương thơm và màu sắc của cốm đã trở thành nét đặc trưng nổi bật của Hà Nội - thủ đô yêu dấu của đất nước Việt Nam.

Rời khỏi thủ đô yêu dấu, các em sẽ đến với vùng đất ngập nước phía đông sông Tiền qua bài thơ *Đường quê Đồng Tháp Mười* của nhà thơ Trần Quốc Toàn. Các em sẽ cảm nhận được nhiều điều thú vị, độc đáo của vùng đất nơi đây.

“Bông súng thả lồng đèn
Sáng bong bênh mặt nước
Cá lòng tong chạy trước
Dẫn đường về thăm ông
Đường quê, sào vít *cong*
Xuống lớt như tên bắn
Cò ở đâu giật mình
Bay lẫn vào mây *trắng*.” [8, tr. 66]

Đồng Tháp Mười bao gồm các tỉnh: Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp. Đây là vùng đất có nhiều sông ngòi, kênh rạch, chằng chịt. Vì vậy, cuộc sống của người dân nơi đây gắn bó với sông nước, phương tiện giao thông đi lại phổ biến là xuồng ba lá. Cho nên con đường về quê của bạn nhỏ cũng rất đặc biệt. Bạn nhỏ về thăm quê bằng cách đi xuồng trên kênh rạch. Con thuyền lướt nhanh trên kênh nhờ có cây sào chống xuống tận đáy để đẩy đi “sào vít cong”. Trên con đường ấy, bạn nhỏ đã nhìn thấy rất nhiều hình ảnh hấp dẫn thú vị: bông súng như những chiếc đèn lồng bong bênh thấp sáng mặt nước; đàn cá lòng tong hiếu khách dẫn đường. Trên ruộng lầy, mấy con trâu đằm mình dưới bùn

lắm lem. Nắng chiếu làm sừng trâu loang loáng. Xa xa đàn cò trắng bay lặn vào nền trời xanh. Những búp sen hồng cuối hạ nghiêng ngả theo nhịp sóng nước của dòng Cửu Long. Tất cả tạo nên một không gian mênh mông của kênh rạch, sông nước.

“*Lắm lem* con trâu đầm
Chém cặp sừng lóc nắng
Xình xịch thuyền đuôi tôm
Chở lúa *vàng* rẽ sóng

Kìa mấy búp sen *hồng*
Núi đầu thu, cuối hạ
Nước *lớn* sông Cửu Long
Chơi với sen nghiêng ngả” [8, tr. 66]

Màu trắng của mây trời, màu vàng của lúa chín rộ, màu xanh của cây cối, màu hồng của hoa sen dập dờn, “nghiêng ngả” theo sóng nước hòa quyện, tô điểm cho nhau tạo nên khung cảnh thiên nhiên thật tươi đẹp, tràn đầy sức sống. Con người hòa mình với thiên nhiên với đất trời. Ở nơi đây, sông nước đã trở thành một phần của cuộc sống. Đó cũng chính là vẻ đẹp riêng có của mỗi vùng quê trên đất nước Việt Nam.

Cũng nói về nét riêng của vùng đất Nam Bộ, bài thơ *Về thăm Đất Mũi* lại mang đến cho các em cảm nhận mới lạ về cây cối, đất đai... của mảnh đất tận cùng phía Nam Tổ quốc: “Về đây nghe đất thở/ Phập phồng trước bình minh/ Về đây trông đước chạy/ Những bước chân ngập sinh.” [8, tr.73]

Mỗi một vùng đất đều có nét đẹp riêng nhưng với Đất Mũi, nét riêng ấy thật độc đáo. Vùng đất này có đặc điểm “đất biết nở, rừng biết đi và biển sinh sôi”. Mỗi năm nhờ lượng phù sa của dòng sông Mekong bồi đắp mà lãnh thổ Việt Nam được ngày càng mở rộng hơn nhô ra phía biển. Phù sa được bồi đắp đến đâu thì cây mắm, cây đước mọc lên đến đấy. Cây giữ đất để cho đất vươn ra mãi ngoài biển khơi theo năm tháng.

“*Ngút ngàn* rừng mắm đước

*Xanh đến tận vô cùng
Phù sa như dòng sữa
Nuôi đất rừng Năm Căn*

*Rễ mầm thì ăn lên
Rễ đước thì cắm xuống
Bền bỉ suốt ngày đêm
Trong tình yêu của đất” [8, tr.73]*

Màu xanh của cây mầm, cây đước trải dài đến đâu thì đất đai sinh sôi nảy nở đến đấy. Rễ cây mầm “ăn lên” còn rễ cây đước “cắm xuống”. Cây mầm đi trước, cây đước theo sau. Cứ như vậy, đất nước Việt Nam được mở mang bờ cõi từ bao đời mới có hình dáng như ngày nay. Và sự mở mang ấy sẽ không bao giờ dừng lại. Về thăm Đất Mũi, chúng ta lại càng cảm thấy tự hào hơn về đất nước Việt Nam trù phú, thanh bình. Từ cực Bắc tới cực Nam thân yêu của Tổ quốc, đâu đâu cũng là “nhà mình”, đâu đâu cũng rạng ngời niềm tin, niềm hạnh phúc “Rạng ngời ánh bình minh”.

Ngoài ra trong phần ôn tập cũng có những bài thơ sử dụng khá nhiều tính từ như *Vườn mặt trời, quả mặt trăng* (Phan Thị Thanh Nhàn), *Bố đứng nhìn biển cả* (Huy Cận), *Mưa* (Lê Thị Mây), *Qua Thập Thình* (Nguyễn Bùi Vợi). Trong đó bài thơ *Vườn mặt trời, quả mặt trăng* sử dụng 19 tính từ. Bằng việc sử dụng các tính từ: “trong veo, chói lọi, mềm, thơm, trĩu, tươi ngời,...” kết hợp với biện pháp so sánh tác giả đã miêu tả một khu vườn thật kì diệu.

“ Sớm mai *trong veo* nắng rọi
Nhìn cây tôi chọt *bàng hoàng*
Bao nhiêu mặt trời *chói lọi*
Chín mềm trong lá rất *thơm*.

Ngẩng lên vườn chôm chôm *đỏ*
Trái xoè những tia mặt trời
Cành *cao trĩu* lời mời mọc

Đung đưa chùm quả *tươi ngời*.

Chợt nhớ bao mùa táo *ngọt*

Quả *vàng mát* đất ngoại ô

Dịu như mặt trăng *mềm mại*

Ríu rít tiếng cười trẻ thơ.” [7, tr.85]

Trái chôm chôm được so sánh với mặt trời, trái táo vàng được so sánh với mặt trăng. Một khu vườn đẹp lung linh huyền ảo như trong truyện cổ tích.

Bài thơ thể hiện sự biết ơn của tác giả đối với những người lao động đã không quản nắng mưa sương gió để dâng tặng cho đời biết bao hoa thơm quả ngọt.

2.4. Kết luận chương 2

Với ý nghĩa ngữ pháp là chỉ đặc điểm tính chất hoạt động, trạng thái của sự vật, trong câu, tính từ thường đóng vai trò định ngữ hoặc bổ ngữ. Do đó tính từ đã góp phần làm sáng tỏ những chủ đề, những bài học mà các văn bản thơ trong sách Tiếng Việt 5 - Bộ sách KNTTVCS muốn truyền tải. Qua quá trình khảo sát, chúng tôi nhận thấy tần số xuất hiện tính từ trong mỗi bài thơ là khác nhau. Có những bài thơ sử dụng khá nhiều các tính từ nhưng có những bài thơ sử dụng ít. Song các tính từ đó đã được các nhà thơ sử dụng hiệu quả để miêu tả một cách chân thực, chính xác, sinh động vẻ đẹp con người, thiên nhiên, cảnh vật,... của đất nước Việt Nam. Có những tính từ xuất hiện ở cuối bài thơ như: tính từ “vàng” (Hạt gạo làng ta), “xanh biếc” (Mầm non) như một lời kết ngắn gọn để lại nhiều ấn tượng, cảm xúc trong lòng người đọc.

KẾT LUẬN

1. Tính từ giữ vai trò quan trọng trong hệ thống từ loại của ngôn ngữ, đặc biệt là trong việc biểu đạt sắc thái cảm xúc, đặc điểm và trạng thái của sự vật, hiện tượng. Nhận thức được vai trò này, trong khuôn khổ khóa luận, chúng tôi lựa chọn quan điểm của Lê A về tính từ (được trình bày trong Chương 1) làm cơ sở lý luận chủ đạo cho quá trình phân tích và nghiên cứu ở Chương 2. Bên cạnh đó, nhằm tạo nên cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về cách thức phân loại tính từ, chúng tôi cũng tham khảo và trình bày thêm các quan điểm của Diệp Quang Ban. Việc kết hợp các cách tiếp cận này không chỉ giúp củng cố nền tảng lý luận cho khóa luận mà còn tạo điều kiện để việc phân tích dữ liệu ở chương sau trở nên chặt chẽ và có tính thuyết phục hơn.

2. Cùng với các danh từ, động từ, 239 tính từ trong 21 văn bản thơ của sách Tiếng Việt 5 – Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” đã phần nào giúp các nhà thơ truyền tải tới các em học sinh Tiểu học những bài học, thông điệp nhẹ nhàng có giá trị sâu sắc. Các em cảm nhận được vẻ đẹp đất nước Việt Nam qua các vùng miền. Các em được đến vùng núi cao để thấy vẻ đẹp nguyên sơ hoang dã của thiên nhiên miền sơn cước (*Trước cổng trời*), được về Hà Nội để cảm nhận vị dịu ngọt của hương cốm mùa thu (*Hương cốm mùa thu*), được đến Đồng Tháp Mười để thấy vẻ đẹp của dòng sông Mekong bạt bênh hoa sen, hoa súng (*Đường quê Đồng Tháp Mười*), được đến đất mũi Cà Mau để nghe đất thở, biển sinh sôi...

Các em cũng hiểu được những giá trị truyền thống của cha ông ta bao đời để lại. Đó là truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm, truyền thống hiếu học, truyền thống nhân nghĩa... Để có được hòa bình độc lập tự do như ngày hôm nay, cha ông ta đã đổ bao xương máu. Nếu như nơi chiến trường ác liệt, các anh bộ đội phải chiến đấu với kẻ thù để giành giật từng tấc đất, ngôi nhà thiêng liêng của quê hương đất nước thì nơi hậu phương, những người mẹ vẫn bền bỉ ngày đêm giã gạo nuôi bộ đội (*Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*), những em nhỏ không quản mưa bom, bão đạn để gửi ra tiền tuyến

“hạt vàng làng ta” (*Hạt gạo làng ta*). Để rồi, mỗi khi các anh bộ đội trở về, xóm nhỏ lại “rộn ràng”, “rộn mở” đón các anh (*Bộ đội về làng*).

Càng hiểu về đất nước con người Việt Nam bao nhiêu, các em sẽ càng thêm yêu, thêm tự hào về đất nước Việt Nam bấy nhiêu. Một đất nước có biển rộng, sông dài, có “Hoa thơm quả ngọt bốn mùa trời xanh”. Một đất nước luôn có cả “trời văn, đất võ”. Một đất nước ở thời đại nào cũng có những “anh hùng”, những “Thạch Sanh của thế kỉ hai mươi”.

Hòa bình, độc lập không dễ dàng có được, *Tiếp bước cha ông*, các em hãy “Viết tiếp câu chuyện hòa bình” để non sông gấm vóc này mãi mãi trường tồn, để *Thế giới của chúng ta* mãi màu xanh tươi đẹp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ Tiếng Việt

1. Lê A (Chủ biên) (2014), *Giáo trình Tiếng Việt 3*, NXB Đại học Sư phạm.
2. Diệp Quang Ban (1991), *Ngữ pháp tiếng Việt, Tập 1*, NXB Giáo dục.
3. Nguyễn Tài Cẩn (1999), *Ngữ pháp tiếng Việt* (Tiếng - Từ ghép - Đoản ngữ), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Đinh Văn Đức (2010), *Ngữ pháp tiếng Việt - Từ loại*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt: Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Tập 1, NXB Khoa học Xã hội.
6. Nguyễn Chí Hòa (2004), *Ngữ pháp tiếng Việt thực hành*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2024), *Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5*, Tập 1- Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”, NXB Giáo dục.
8. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2024), *Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5*, Tập 2- Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”, NXB Giáo dục.
9. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2024), *Sách giáo viên Tiếng Việt lớp 5*, Tập 1- Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”, NXB Giáo dục.
10. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2024), *Sách giáo viên Tiếng Việt lớp 5*, Tập 2- Bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”, NXB Giáo dục.
11. Trương Thị Thu Hương (2023), *Bước đầu tìm hiểu về tính từ trong tác phẩm “Đế Mèn phiêu lưu ký” của nhà văn Tô Hoài*, Khóa luận tốt nghiệp Trường Đại học Hoa Lư.
12. Huỳnh Thị Liên (2011), *Tính từ chỉ màu sắc trong một số tác phẩm của Anh Đức*, Khóa luận tốt nghiệp Trường Đại học Cần Thơ.
13. Lê Thị Bắc Lý (2013), *Giáo trình Văn học trẻ em*, NXB Đại học Sư phạm.
14. Nguyễn Thị Nhung (2009), *Phong cách thơ Nguyễn Khoa Điềm*, Luận văn thạc sĩ văn học, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên
15. Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội.
16. Nguyễn Hữu Quỳnh (2001), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Từ điển Bách Khoa.

17. Bùi Minh Toán (2008), *Giáo trình Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Đại học Sư phạm.
18. Võ Gia Trí (2008), *Tuyển tập Võ Quảng*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
19. Nguyễn Thị Yến (2016), *Thơ Nguyễn Khoa Điềm trong trường Trung học từ góc nhìn văn hóa*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

2/Website

20. <https://www.slideshare.net/slideshow/nghiencuuvetuloaidanhtudongtutinhitudaituquanhetutrongchuongtrinhhsachtiengvietotieuhoc-1/236771991> ngày truy cập 13/10/2024.
21. <https://baoquangnam.vn/vo-quang-nha-van-cua-thieu-nhi-3033970.html> ngày truy cập 14/10/2024
22. <https://vhnt.org.vn/Võ-quảng-đặc-sắc-nghệ-thuật-thơ-viết-cho-thiếu-nhi> ngày truy cập 14/10/2024
23. <http://tapchixuthanh.vn/NewsDetail.aspx?Id=1870> ngày truy cập 14/10/2024
24. <https://www.slideshare.net/slideshow/nghiencuuvetuloaidanhtudongtutinhitudaituquanhetutrongchuongtrinhhsachtiengvietotieuhoc-1/236771991> ngày truy cập 14/10/2024
25. 103662-Article Text-213735-1-10-20241015 (3).pdf ngày truy cập 14/10/2024
26. <https://123docz.net/document/893063-buc-tranh-lang-que-qua-tu-chi-mau-sac-trong-tho-tran-dang-khoa.htm> ngày truy cập 15/11/2024
27. <https://phuongnam.vanhoavaphattrien.vn/vo-quang-dac-sac-nghe-thuat-tho-viet-cho-thieu-nhi-a16771.html> ngày truy cập 18/12/2025
28. <https://nguivan.hnue.edu.vn/Nghi%C3%AAnc%E1%BB%A9u/Ng%C3%B4n-ng%E1%BB%AF/p/dac-diem-ngon-ngu-tho-xuan-dieu-va-xuan-quynh-741> ngày truy cập 8/1/2025

PHỤ LỤC
KHẢO SÁT SỐ LƯỢNG TÍNH TỪ TRONG CÁC
VĂN BẢN THƠ SÁCH TIẾNG VIỆT 5 - BỘ SÁCH “ KẾT NỐI TRI
THỨC VỚI CUỘC SỐNG”

[illegible]

19	Non		x											
20	Diệu kì		x											
21	Hồn nhiên		x											
22	Xa	x		3/Trước công trời/ Nguyễn Đình Ảnh/ 10		x						x		46-47
23	Ngút ngát	x												
24	Ngút ngàn		x											
25	Nguyên sơ		x											
26	Chín		x											
27	Hoang dã		x											
28	Khấp	x												
29	Xanh		x											
30	Ấm		x											
31	Giá		x											
32	Đỏ		x	4/Mâm non/ Võ Quảng/ 17		x						x		64-65
33	Non		x											
34	Nho nhỏ		x											
35	Lặng im		x											
36	Hối hả		x											
37	Lát phát		x											
38	Rào rào		x											
39	Vàng		x											
40	Đây		x											
41	Thừa thót		x											
42	Nhanh		x											
43	Vắng		x											
44	Im ắng		x											
45	Róc rách		x											
46	Vang dầy		x											
47	Vội		x											

48	Xanh biếc		x	5/Vườn mặt trời, quả mặt trăng/ Phan Thị Thanh Nhàn/ 19													
49	Trong veo		x											x			85
50	Bàng hoàng	x															
51	Chói lọi		x														
52	Chín		x														
53	Mềm		x														
54	Thơm		x														
55	Đỏ		x														
56	Cao		x														
57	Trữu		x														
58	Tươi ngời		x														
59	Ngọt		x														
60	Vàng		x														
61	Mát		x														
62	Dịu		x														
63	Mềm mại		x														
64	Ríu rít	x															
65	Huyền ảo		x														
66	Đầy		x														
67	Vắt vả	x															
68	Diệu kì		x	6/Thế giới trong trang sách/Huệ Triệu/ 13			x							x			105
69	Lấp lánh		x														
70	Xanh		x														
71	Nâu		x														
72	Bao la		x														
73	Bí mật		x														
74	Rộng		x														
75	Hiền		x														
76	Rộng mở	x															

77	Dài		x													
78	Tít tấp		x													
79	Thiết tha		x													
80	Khôn	x														
81	Bình yên		x	7/Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên Sông Đà/ Quang Huy/ 9				x				x				122
82	Dịu dặt		x													
83	Trắng phau		x													
84	Nóng		x													
85	Chơi voi		x													
86	Say		x													
87	Lấp loáng		x													
88	Lớn		x													
89	Bở ngỡ		x													
90	Dập dồn		x	8/Bố đứng nhìn biên cả/ Huy Cận/ 7								x				162
91	Tròn		x													
92	Tím		x													
93	Dài		x													
94	Mát		x													
95	Bát ngát		x													
96	Non		x													
97	Ngoan	x		9/Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ/ Nguyễn Khoa Diễm/9				x					x			13-14
98	Nghiêng		x													
99	Nóng hổi	x														
100	Gầy	x														
101	Nhấp nhô	x														
102	Trắng ngần		x													
103	To		x													
104	Nhỏ	x														
105	Mỗi	x														

106	Thơm		x	10/Hạt gạo làng ta/ Trần Đăng Khoa/ 8				x				x	17-18
107	Đầy		x										
108	Ngọt bùi	x											
109	Đắng cay	x											
110	Xa	x											
111	Vàng		x										
112	Cao		x										
113	Rát	x											
114	Vắng	x		11/ Thư của bố/ Thuy Anh/ 19				x				x	30-31
115	Trống		x										
116	Lộng		x										
117	Mặn mòi		x										
118	Xa xôi		x										
119	Êm đềm		x										
120	Lặng		x										
121	Lững lờ		x										
122	Ngâm		x										
123	Thăm thẳm		x										
124	Đen		x										
125	Khẩn trương	x											
126	Vang lên	x											
127	Khô		x										
128	Khét	x											
129	Khôn	x											
130	Dịu dàng		x										
131	Êm ái		x										
132	Xanh		x										
133	Lặng		x										
134	Cao		x										

[illegible]

164	Xa		x															
165	Rạng ngời		x															
166	Mới		x															
167	Vàng		x															
168	Mênh mông		x															
169	Dài		x															
170	Thơm		x															
171	Son	x																
172	Đầy		x															
173	Non		x															
174	Đỏ		x															
175	Vang ngời		x	16/ Mưa/ Lê Thị Mây/ 10														
176	Lâu		x															
177	Ấm		x															
178	Rộn ràng		x															
179	Sâu		x															
180	Nhỏ		x															
181	Tung bùng	x																
182	Hớn hở	x																
183	Nâu		x															
184	Xôn xao		x															
185	Bé nhỏ		x															
186	Đơn sơ		x															
187	Rộng	x																
188	Dở		x															
189	Xanh		x	17/ Bộ đội về Làng/ Hoàng Trung Thông/14														
190	Dở		x															
191	Sầm biếc		x															
192	Nồng hăng		x															

193	Nguyên		x																
194	Đầy		x																
195	Nhỏ	x																	
196	Xanh		x																
197	Mênh mông		x	19/Việt Nam quê hương ta/ Nguyễn Đình Thi/ 20															
198	Đẹp		x																
199	Rập rờn		x																
200	Mờ		x																
201	Thân yêu		x																
202	Vắt vả	x																	
203	Sâu	x																	
204	Nâu		x																
205	Nghèo		x																
206	Đen (1)		x																
207	Hiền	x																	
208	Chan hoà		x																
209	Thơm		x																
210	Ngọt		x																
211	Xanh		x																
212	Đen (2)	x																	
213	Long lanh	x																	
214	Thủy chung	x																	
215	Xa	x																	
216	Lạ lùng	x																	
217	Xanh		x	20/ Bài ca trái đất/ Định Hải/ 14															
218	Thương mến		x																
219	Trẻ (1)		x																
220	Trẻ (2)	x																	
221	Vàng	x																	

222	Trắng	x															
223	Đen	x															
224	Đẫm		x														
225	Thắm		x														
226	Quý		x														
227	Thơm		x														
228	Bình yên		x														
229	Ran	x															
230	Già		x														
231	Bâng khuâng	x		21/ Qua Thâm Thình/ Bùi Vợi/ 9													
232	Tròn		x														
233	Đầy		x														
234	Đẹp	x															
235	Rập rình		x														
236	Cũ		x														
237	Son		x														
238	Cao		x														
239	Xưa		x														

CHÚ THÍCH TRONG BẢNG PHỤ LỤC

Trong ô “Vai trò của tính từ”

Số	Nội dung tương ứng
1	Tính từ miêu tả đặc điểm, tính cách, hoạt động, trạng thái của người
2	Tính từ miêu tả đặc điểm, tính chất hoạt động, trạng thái của cây cối, đồ vật, con vật, cảnh vật, hiện tượng tự nhiên...

Trong ô “Chủ đề”

Số	Nội dung tương ứng
1	Thế giới tuổi thơ
2	Thiên nhiên kì thú
3	Trên con đường học tập
4	Nghệ thuật muôn màu
5	Vẻ đẹp cuộc sống
6	Hương sắc trăm miền
7	Tiếp bước cha ông
8	Thế giới của chúng ta

Trong ô “Sách Tiếng Việt 5”

Từ ngữ được viết tắt	Chữ viết tắt
Tập 1	T1
Tập 2	T2

Các bài thơ trong phần ôn tập:

1	Vườn mặt trời, quả mặt trăng
2	Bố đứng nhìn biển cả
3	Mưa
4	Qua Thập Thành

